

KINH ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN[1]

- Đông-Tấn, Sa-Môn Thích-Pháp-Hiến *dịch chữ Phạn ra chữ Hán.*
- Thích-Tâm-Châu *dịch chữ Hán ra chữ Việt.*

---o0o---

I. DUYÊN-KHỞI NIẾT-BÀN

Chính tôi (A-Nan) được nghe: Một thời kia đức Phật ở Trùng-Các giảng-đường, trong khu rừng lớn Tỳ-Da-Ly (Vaisàli), cùng với một nghìn hai trăm năm mươi vị Tỳ-Khưu.

Khi ấy, đức Thế-Tôn cùng ông A-Nan, một buổi sáng nọ, mặc áo, mang bát vào thành khát-thực. Khát-thực rồi, trở về nơi cũ.

Khi ăn cơm xong, súc miệng, rửa thực-dụng, thu xếp áo, bát, đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông cầm giúp tôi cái ngọa-cụ. Nay tôi muốn đến nơi tháp Già-Ba-La, nhập-định tư-duy”. Đức Phật nói lời ấy rồi, Ngài liền cùng ông A-Nan đi đến nơi kia.

Đến nơi kia, ông A-Nan trải ngọa-cụ, đức Phật ngồi. Lúc đó, đức Thế-Tôn ngồi kết gia-phu[2], im lặng suy-nghĩ. Khi ấy ông A-Nan cũng ở riêng một nơi, đoan-tọa nhập-định, nhưng cách nơi Phật ngồi không mấy.

Trong giây lát, đức Thế-Tôn từ trong thiền-định tỉnh dậy, Ngài gọi ông A-Nan, bảo: “Nơi Tỳ-Da-Ly đây, có nhiều tháp rất yêu quý, như tháp Ưu-Đà-Diên, tháp Cô-Đàm, tháp Am-La,

tháp Đa-Tử, tháp Sa-La, tháp Già-Bà-La”.

Ông A-Nan! Người được bốn phép Thần-túc[3] còn có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống là Như-Lai nay có sức thần-thông lớn-lao, há lại không thể ở trong cõi thọ được một kiếp hay non một kiếp?”

Đức Thế-Tôn đã mở ra cái cửa: “Có thể thỉnh đức Thế-Tôn lưu lại thế-gian” như thế, để dạy ông A-Nan, nhưng, khi ấy ông A-Nan vẫn im-lặng, không hiểu biết chi cả.

Đức Thế-Tôn ân-cần nói đến ba lần, ông A-Nan vẫn bâng-khuâng không giải-ngộ được và không thỉnh đức Như-Lai ở lại cõi thọ trong một kiếp hay non một kiếp, đem lại lợi-ích cho

chư Thiên và nhân-dân trong thế-gian. Sao vậy? Ông A-Nan bị Ma-Vương mê-hoặc.

Đức Thế-Tôn nói lời ấy đến ba lần, thấy tâm ông A-Nan vẫn không khai-ngộ, Ngài liền im-lặng.

Bấy giờ, Ma-Vương[4] đến nơi đức Phật, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn! Nay đấng Thiện-Thệ[5] nên nhập Niết-Bàn! Sao vậy? Trước khi Thế-Tôn ở bên bờ sông Ni-Liên-Thiên (Nairanjana) con khuyên-thỉnh Thế-Tôn nhập Niết-Bàn, nhưng, lúc ấy Thế-Tôn thấy con khuyên-thỉnh như thế, Ngài đáp: “Nay bốn bộ-chúng của Tôi là Tỳ-Khưu (Bhiksu), Tỳ-Khưu-Ni (Bhiksuni), Ưu-bà-tắc (Upāsaka), Ưu-

bà-di (Upāsikà) chưa được đầy đủ và chưa hàng-phục được các ngoại-đạo, nên Tôi chưa nhập Niết-Bàn”. Lạy đức Thế-Tôn! Nay bốn bộ-chúng của đức Thế-Tôn đã đầy đủ, đã hàng-phục được các ngoại-đạo và những sự đáng làm, đều đã làm xong, vậy đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn!”

Khi Ma-Vương thỉnh ba lần như thế, đức Như-Lai liền đáp: “Quý hóa thay! Trước kia bên bờ sông Ni-Liên-Thiên, Tôi đã hứa với ông là bốn bộ-chúng của Tôi chưa được đầy đủ; cho tới nay, nay đầy đủ rồi, sau đây ba tháng Tôi sẽ nhập Niết-Bàn!”

Ma-Vương nghe đức Phật nói lời ấy rồi, vui mừng hớn-hở, trở về Thiên-cung.

Ngay khi ấy đức Thế-Tôn liền xả tuổi thọ thế-gian, dùng sức thần-thông, trụ lại nơi thân-mệnh trong ba tháng.

Lúc đó, trên cõi đất này có mười tám tướng rung-động, trông cõi trời tự nhiên kêu và do sức thần-thông của Phật, tự-nhiên trong không có lời xưng lên rằng: “Đức Như-Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn.” Chư Thiên, nhân-dân, chợt nghe tiếng nói ấy, tâm rất buồn rầu, khắp mình ửng huyết.

Đức Thế-Tôn, ngay tại nơi kia, nói bài kệ rằng:

Hết thảy mọi chúng-sinh,

Theo “hữu” (có) mà sinh-tử.

Ta nay cũng sinh-tử,

Nhưng không theo nơi “hữu”.

Mọi hành-tướng tạo-tác,
 Ta nay muốn vứt bỏ.[6]
 Đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài lại
 ngồi im-lặng.

TOÁT-YẾU[7]

Một thời kia đức Phật cùng ông A-Nan và 1,250 vị Tỳ-Khưu, ở nơi Trùng-Các giảng-đường, trong khu rừng Tỳ-da-ly. Theo lệ thường, một sáng nọ đức Thế-Tôn cùng ông A-Nan vào thành khát-thực.

Trở về, ăn xong, thu xếp bình-bát, Ngài bảo ông A-Nan cầm ngọa-cụ cho Ngài, đi đến tháp Già-ba-la, để nhập-định tư-đuy.

Đến nơi đức Thế-Tôn ngồi kết gia-phu, im-lặng suy-nghĩ. Ông A-Nan cũng nhập-định riêng một nơi, gần Phật.

Ra Định, đức Phật gọi ông A-Nan, bảo: “Nơi Tỳ-da-ly đây có nhiều tháp đáng quý!”

Ngài dạy tiếp: “Người được bốn phép Thần-túc còn có thể ở trong cõi thọ được một kiếp hay non một kiếp, há rằng Như-Lai có thần-lực, lại không ở lại được một kiếp hay non một kiếp ư?”

Sở dĩ đức Phật nói thế là vạch đường cho ông A-Nan tỉnh Phật lưu lại thế-gian. Nhưng, Ngài nói đến ba lần, ông A-Nan vẫn im-lặng. Ông bị Ma-vương mê-hoặc. Ngài im-lặng.

Liên đó, Ma-vương tới tỉnh Ngài vào Niết-Bàn, theo lời hứa của Ngài ở bờ sông Ni-liên-thiên xưa kia. Ngài nhận thấy lời hứa của Ngài trước kia, nay đã

đến lúc thực-hiện. Ngài ung-thuận: Sau ba tháng nữa Ngài sẽ nhập Niết-Bàn. Ma-vương vui mừng trở về Thiên-cung.

Ngài tự nói: “Hết thấy chúng sinh bị luân-hồi sinh-tử, đều do nghiệp hữu-lậu theo dõi. Ta tuy ở trong cảnh ấy, nhưng không bị nghiệp kia theo nữa. Nay Ta bỏ thân giả-tạm này!”

II. A-NAN KHẢI-THỈNH

Khi ấy ông A-Nan thấy cõi đất rung-động, tâm sợ-hãi quá ông mới tự-nghĩ: “Cớ sao ngày nay bỗng có sự-tướng ấy. Và, việc như thế, không phải là duyên nhỏ, nay ta nên đến hỏi đức Thế-Tôn!” Nghĩ thế rồi, ông A-Nan liền từ tòa ngòai của mình đứng dậy, đến trước đức Phật, đầu mặt lễ xuống chân Phật, bạch

Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Lúc nãy con ở riêng nơi kia, ngồi thiền suy nghĩ, bỗng đâu con thấy cõi đất này có mười tám tướng rung động; con lại nghe thấy những tiếng trống của cõi trời trong hư-không, tâm con sợ quá, không biết tướng ấy là nhân-duyên gì, kính xin đức Thế-Tôn chỉ-giáo cho!”

Đức Phật dạy: “Ông A-Nan! Cõi đất này rung-động vì tám nhân-duyên: Một là cõi đất nhờ nước mà đứng vững, nước này nhờ guồng gió mà còn, gió này nhờ hư-không mà trụ. Trong hư-không có lúc gió mạnh bốc lên, thổi vào guồng gió kia, guồng gió kia động; guồng gió kia đã động, nước kia cũng động; nước kia đã động, cõi đất này động. Hai là, các vị Tỳ-khưu hoặc Tỳ-

khuru-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tu về thần-thông, mới được thành-tựu, các vị muốn tự thí-nghiệm, nên cõi đất này động. Ba là, khi Bồ-tát (Bodhissattva) ở nơi cung trời Đâu-Xuất (Tusita), sắp giáng-thần vào mẫu-thai, nên cõi đất này động. Bốn là, khi Bồ-tát mới sinh từ nơi hông bên hữu ra, nên cõi đất này động. Năm là, khi Bồ-tát bỏ cung vua xuất-gia, học đạo, thành Nhất-thiết-chủng-trí[8], nên cõi đất này động. Sáu là, khi Như-Lai thành đạo, bắt đầu vì Nhân, Thiên chuyển pháp-luân[9], nên cõi đất này động. Bảy là, khi Như-Lai xả tuổi thọ thế-gian, dùng sức thần-thông trụ lại nơi thân-mệnh, nên cõi đất này động. Tám là, khi Như-Lai nhập Niết-Bàn, nên cõi đất này động. Ông

A-Nan! Ông nên biết nhân-duyên của cõi đất này động, có tám sự như thế!”

Ông A-Nan! Có tám bộ-chúng: Một là, Sát-ly[10]. Hai là, Bà-la-môn[11]. Ba là, Trưởng-giả[12], Cư-sĩ[13]. Bốn là, Sa-môn[14]. Năm là, Tứ-thiên-vương. Sáu là, Đao-ly-thiên. Bảy là, Ma-vương. Tám là, Phạm-vương. Tám bộ-chúng ấy Tôi xem căn-khí của họ, người nào muốn được độ, Tôi tùy chỗ hiện-hình vì họ nói pháp, mà người kia cũng không biết là Tôi nói”.

Ông A-Nan! Có tám chỗ thượng-thắng (thắng-xứ): Một là, trong tâm có tướng về sắc-tướng, ngoài quán về sắc-tướng ít đi. Hai là, trong tâm có tướng về sắc-tướng, ngoài quán về sắc-tướng nhiều lên. Ba là, trong tâm không tướng về

sắc-tướng, ngoài quán về sắc-tướng ít đi. Bốn là, trong tâm không tưởng về sắc-tướng, ngoài quán về sắc tướng nhiều lên. Năm là, quán hết thấy sắc đều xanh. Sáu là, quán hết thấy sắc đều vàng. Bảy là, quán hết thấy sắc đều đỏ. Tám là, quán hết thấy sắc đều trắng. Đó là phương-pháp thượng-thắng của người tu-hành về Thiên-định![\[15\]](#)

Lại nữa, Ông A-Nan! Có tám pháp giải-thoát: Một là, trong tâm có tưởng về sắc, ngoài cần quán về sắc. Hai là, trong tâm không tưởng về sắc, ngoài quán về sắc bằng cách suy-nghĩ là bất-tịnh. Ba là, tịnh giải-thoát, Bốn là, không-xứ giải-thoát. Năm là, Thức-xứ giải-thoát. Sáu là, Vô-sở-hữu-xứ giải-thoát. Bảy là, Phi-tướng, phi-phi-

tướng-xứ giải-thoát. Tám là, Diệt-tận-định giải-thoát. Tám pháp giải-thoát này cũng là pháp thượng-thắng của người tu-hành về Thiên-định. Nếu ai đạt tới chỗ cứu-cánh của những pháp này, tức là đối với mọi pháp được tự-tại vô-ngại.[16]

Ông A-Nan! Ông có biết không: Trước kia khi Tôi thành-đạo, độ ông Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp (Uruvilvàkàsyapa) ở bên sông Ni-liên-thiên, bảy giờ Ma-vương đến chỗ Tôi, thỉnh Tôi rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn! Lạy đáng Thiện-Thệ! Nay đáng Thiện-Thệ nên nhập Niết-Bàn! - Sao vậy? – Những người nên độ, đều được giải thoát cả rồi! Nay chính là lúc đức Thế-Tôn nên nhập

Niết-Bàn!” Ma-vương thỉnh Tôi ba lần như thế, Tôi đáp: “Nay chưa phải lúc Tôi nhập Niết-Bàn! – Sao vậy? – Bốn bộ-chúng của tôi chưa được đầy đủ, những người nên độ, đều chưa đạt tới chỗ cứu-cánh, những đồ-chúng ngoại-đạo, chưa hàng-phục được!” Tôi đáp như thế ba lần, Ma-vương nghe rồi, mang lòng buồn-rầu, trở về Thiên-cung. Do duyên xưa kia, nay Ma-vương lại và lại thỉnh Tôi: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn! Lạy đấng Thiện-Thệ! Nay đấng Thiện-Thệ nên nhập Niết-Bàn! - Sao vậy? - Trước kia khi ở bên bờ sông Ni-liên-thiên, con khuyên-thỉnh đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn, nhưng lúc ấy đức Thế-Tôn thấy con khuyên-thỉnh

như thế, Ngài đáp: “Nay bốn bộ-chúng của Tôi là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di chưa được đầy đủ, lại chưa hàng-phục được các ngoại-đạo, thế nên Tôi chưa nhập Niết-Bàn. Lạy đức Thế-Tôn! Nay bốn bộ-chúng của đức Thế-Tôn đã đầy đủ, đã hàng-phục được các ngoại-đạo và những sự đáng làm đều đã làm xong, vậy nay Thế-Tôn nên nhập Niết-Bàn!” Ma-vương thỉnh Tôi đến ba lần như thế, Tôi đáp: “Trước kia bên bờ sông Ni-liên-thiên, Tôi đã hứa với ông bốn bộ-chúng của Tôi chưa được đầy đủ, cho tới nay, nay đầy đủ rồi, sau đây ba tháng Tôi sẽ nhập Niết-Bàn. Ma-vương nghe Tôi nói lời ấy rồi, vui mừng hơn-hở, trở về Thiên-cung. Nơi đây Ta nhận lời thỉnh

của Ma-vương rồi, Tôi liền xả tuổi thọ thế-gian, tạm trụ nơi thân-mệnh ba tháng, vì nhân-duyên ấy, nên cõi đất này chấn-động!”

Bấy giờ ông A-Nan nghe đức Phật nói lời ấy rồi, tâm ông buồn-rầu quá, khắp mình ửng huyết, khóc-lóc thướt-mướt, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn thương xót chúng con, ở lại cõi thọ chừng một kiếp hay non một kiếp, đem lại lợi-ích cho chư Thiên và nhân-dân trong thế-gian!”

Ông A-Nan thỉnh đức Thế-Tôn đến ba lần như thế. Lúc đó, đức Thế-Tôn bảo ông A-Nan: “Bây giờ không phải lúc ông thỉnh Như-Lai lưu lại thế-gian nữa!
- Sao vậy? - Tôi đã hứa với Ma-vương,

sau đây ba tháng Tôi nhập Niết-Bàn, nay ông làm sao thỉnh Tôi lưu lại thế-gian được? Ông A-Nan! Ông thị-giả Tôi từ trước tới nay, ông đã từng nghe thấy Tôi nói hai lời bao giờ chưa? - Ông A-Nan bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Con chưa từng nghe thấy đấng Thiên-Nhân-Sư nói hai lời bao giờ! Trước kia con chỉ từng nghe thấy đức Thế-Tôn, vì bốn bộ-chúng nói pháp rằng: “Người được bốn phép Thần-túc, có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống chi Như-Lai là bậc có vô-lượng sức thần-thông tự-tại, nay lại không thể ở trong cõi thọ được một kiếp hay non một kiếp, liền xả tuổi thọ thế-gian, tạm trụ thân-mệnh ba tháng, vậy kính xin đức

Thế-Tôn thương xót chúng con, ở lại cõi thọ chừng một kiếp hay non một kiếp!”

Đức Thế-Tôn đáp lời ông A-Nan: “Nay Tôi sở dĩ xả tuổi thọ, chính là do ông! Sao vậy? Ban nầy, tại nơi đây, Tôi hướng vào ông mà nói: “Người được bốn phép Thần-túc còn có thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp, huống là Như-Lai nay có sức thần-thông lớn-lao, há lại không thể ở trong cõi thọ trọn một kiếp hay non một kiếp? Tôi ân-cần nói như thế đến ba lần, để mở ra cái cửa cho ông khuyến-thỉnh Thế-Tôn lưu lại thế-gian, mà ông cứ im-lặng, từng không có lời thỉnh Tôi ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, vì thế, nay Tôi chỉ tạm trụ thân

mệnh ba tháng, sao nay ông mới tỉnh
Tôi trụ lại thế-gian?

Ông A-Nan nghe đức Phật nói lời ấy,
biết hẳn là đức Phật quyết nhập Niết-
Bàn, không sao khuyên-thỉnh được,
tâm sinh đau-khổ, buồn-bã, áo-não,
khóc-lóc thướt-mướt, không thể hãm
được.

Đức Thế-Tôn thấy ông A-Nan sinh
khổ-não quá như thế, Ngài dùng phạm-
âm an-ủi: “Ông A-Nan! Nay ông đừng
nên sinh tâm lo buồn như thế! Ông nên
biết: Các pháp hữu-vi đều như thế cả;
hết thấy sự hội-hợp, đều phải biệt-ly!”

Liền đó, đức Thế-Tôn nói bài kệ rằng:

Hết thấy pháp hữu-vi,
Đều quay về vô-thường.
Sự ân-ái hòa-hợp,

Tất về nơi biệt-ly.

Hành-tướng sự vật thế,

Không nên sinh lo buồn!

Bấy giờ, ông A-Nan sa lệ bạch rằng: “Đấng Thiên-Nhân-Sư bậc vô-thượng đại-tôn, không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn, nay con làm sao mà không lo buồn được!” Bạch rồi ông liền bứt đầu, lớn tiếng xưng lên rằng: “Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian mất rồi, không bao lâu nữa chúng-sinh, mất người cha lành!”

Đức Thế-Tôn lại bảo ông A-Nan: “Nay ông không nên sinh tâm lo buồn, dù Tôi có ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, nhưng hội-hợp rồi cũng phải ly-diệt; tính và tướng của pháp hữu-vi như thế, ông chớ nên đối với việc Tôi

nhập Niết-Bàn mà riêng chịu sự đau-khổ! Giờ Tôi muốn trở về Trùng-Các giảng-đường, ông cầm giúp cái ngoạ-cụ về!” Liên đó, đức Thế-Tôn cùng ông A-Nan trở về Trùng-Các giảng-đường.

TOÁT-YẾU

Ông A-Nan đang ngồi Thiền, bỗng dung thấy đất rung-động. Ông tỉnh dậy sợ-hãi và tự nghĩ việc động đất này tất nhiên phải có duyên-cớ?

Ông về hỏi Phật, vì duyên-cớ gì mà có sự động đất như vậy? Đức Phật dạy: “Động đất có tám nhân-duyên: 1/ Cõi đất này nhờ nước, gió gìn-giữ lẫn nhau, Khi gió chuyển thì nước động, nước động thì đất động. 2/ Khi tứ-chúng tu thành, muốn thí-nghiệm thần-thông. 3.

Khi Bồ-tát giáng-thần vào mẫu-thai. 4/
 Khi Bồ-tát giáng-sinh. 5/ Khi Bồ-tát
 xuất-gia, học đạo thành Nhất-thiết-
 chủng-trí. 6/ Khi Như-Lai thành-đạo,
 bắt đầu chuyên pháp-luân. 7/ Khi Như-
 Lai xả thọ. 8/ Khi Như-Lai nhập Niết-
 Bàn.”

Tiếp đó, Ngài lại bảo ông A-Nan là
 trong Phật-pháp có tám bộ-chúng; tu
 Thiên-định có tám thắng-xứ, 8 pháp
 giải-thoát. Và, Ngài nói rõ nhân-duyên
 Ma-vương thỉnh Ngài nhập Niết-Bàn
 cho ông nghe.

Ông A-Nan ra đỉnh-lễ, thỉnh Phật lưu
 lại thế-gian. Đức Phật không nhận lời,
 Ngài nói: “Tôi đã hứa với Ma-vương
 rồi. Tôi không nói hai lời. Và, sao

trước kia Tôi đã nhắc, ông không thỉnh, bây giờ không phải thời nữa!”

Ông A-Nan buồn!

Đức Phật bảo: “Ông đừng lo buồn nữa, sự-vật đều thế! Các pháp hữu-vi, đều thuộc về vô-thường, ân-ái hội-hợp quyết phải biệt-ly!”

III. NHÓM HỌP ĐẠI-CHÚNG

Đức Thế-Tôn bảo ông A-Nan: “Nay ông đi bảo tất cả các vị Tỳ-Khưu nơi Trùng-Các giảng-đường, trong khu rừng rộng này, đều về cả Đại-tập-đường!”

Ông A-Nan vâng lời đức Phật dạy, liền đi bảo khắp các vị Tỳ-Khưu rằng: “Đức Thế-Tôn bảo các vị về cả Đại-tập-đường!”

Các vị Tỳ-Khưu tập họp đông đủ, ông A-Nan bạch Phật: “Lạy đức Thế-Tôn! Các vị Tỳ-Khưu đều về họp đông đủ, kính xin đức Như-Lai biết cho giờ định họp ấy”!

Khi ấy, đức Như-Lai từ Trùng-Các giảng-đường đến Đại-Tập-đường, Ngài trải tòa ngồi và bảo các vị Tỳ-Khưu: “Xưa kia Tôi vì các vị nói ra mọi pháp, các vị luôn luôn suy-nghĩ và tu-tập những pháp ấy đừng lãng quên! Các vị tu phạm-hạnh cho thanh-tịnh, gìn-giữ giới cấm, làm phúc-lợi cho chư Thiên, nhân-dân thế-gian. Các vị Tỳ-Khưu! Xưa kia Tôi vì các vị nói những pháp gì, các vị nên suy-nghĩ những pháp ấy, chớ sinh biếng-nhác. Tôi nói ba mươi bảy đạo-phẩm pháp như: bốn niệm xứ,

bốn chính cần, bốn như-ý-túc, năm căn, năm lục, bảy giác-chi và tám thánh-đạo-phận[17], các vị nên tu-tập, suy-nghĩ tinh-cần những pháp ấy có thể làm cho các vị đến nơi giải-thoát!

Lại nữa, các vị Tỳ-Khưu! Hết thấy các pháp đều thuộc vô-thường, thân-mệnh nguy-ngập, cũng như chớp-giật, các vị không nên sinh ra buông-lung! Các vị nên biết: Như-Lai không bao lâu, chỉ sau ba tháng nữa sẽ nhập Niết-Bàn!”

Bấy giờ, đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

Tôi muốn bỏ thân này,

Tám thân già suy-yếu.

Nay xả tuổi thọ rồi,

Tạm nương mệnh ba tháng!

Những người nên hóa-độ,

Hết thấy đã xong xuôi;

Thế nên không bao lâu,
Tôi sẽ nhập Niết-Bàn.
Những pháp Tôi nói xưa,
Pháp ấy thầy các vị;
Các vị kính-trọng, giữ,
Tu-tập đừng bỏ quên!
Các vị cần tinh-tiến,
Như Tôi sống khác gì?
Sinh-tử nguy-ngập quá,
Thân-mệnh đều vô-thường!
Thường mong đường giải-thoát,
Đừng tạo hạnh buông-lung!
Niệm chính, quán thanh-tịnh,
Giữ trọn giới cấm răn.
Định-ý, suy-nghĩ thẳng,
Ngoại-cảnh, nén giữ tình.
Nếu ai làm được thế,
Là hộ-trì chính-pháp.

Tự đến nơi giải-thoát,
Lợi-ích cả Nhân, Thiên.

Sau khi các vị Tỳ-Khưu nghe những lời ấy của đức Phật, tâm các vị rất đau khổ, khóc-lóc thướt-mướt, khắp mình ửng huyết, mê buồn áo-não, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn, ở lại cõi thọ, đừng nhập Niết-Bàn, đem lại lợi-ích cho chúng-sinh, làm tăng-trưởng Nhân, Thiên. Kính xin đức Thế-Tôn, ở lại cõi thọ, đừng nhập Niết-Bàn, mở tỏ con mắt trí-tuệ cho chúng-sinh. Hết thấy chúng-sinh sa-đọa trong nơi đen tối, kính xin đức Như-Lai vì họ soi sáng cho họ. Hết thấy chúng-sinh chìm-đắm trong bể lớn sinh-tử, kính xin đức Như-Lai vì họ làm thuyền bè vớt họ!”

Bạch xong, các vị Tỳ-Khưu lại khoa tay, bứt đầu, đâm ngực, kêu to: “Than ôi, khổ lắm! Đức Như-Lai không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn, hết thấy chúng-sinh quy-y vào đâu!”

Đức Thế-Tôn bảo các vị Tỳ-Khưu: “Hết thấy mọi pháp đều thuộc vô-thường, ân-ái hội-hợp, đều phải biệt-ly, các vị không nên thỉnh Tôi lưu lại thế-gian nữa! Sao vậy? - Nay không phải là lúc các vị khuyên-thỉnh Tôi! Trước đây Tôi vì các vị nói những pháp-yếu, các vị nên vâng giữ trọn vẹn, thời như Tôi còn ở đời không khác!”

Ngày đã tối, đức Thế-Tôn cùng ông A-Nan trở về Trùng-Các giảng-đường.

TOÁT-YẾU

Đức Phật bảo ông A-Nan đi thỉnh tất cả các vị Tỳ-Khưu về họp tại Đại-tập-đường.

Về đông đủ, đức Phật ra họp.

Ngài khuyên các vị Tỳ-Khưu cần giữ giới-hạnh thanh-tịnh, làm phúc-lợi cho Nhân, Thiên; ba mươi bảy đạo-phẩm Ngài đã dạy, cần nên tu-tập, suy-nghĩ tinh-cần sẽ đến được nơi giải-thoát; sự-vật vô-thường, thân-mệnh nguy-ngập nhanh-chóng, không nên buông-lung.

Và, sau cùng Ngài bảo cho các vị Tỳ-khưu biết rằng sau ba tháng nữa Ngài sẽ nhập Niết-Bàn.

Các vị Tỳ-Khưu khóc-lóc, thỉnh đức Phật lưu lại thế-gian, Ngài nói: “Sự-vật đều vô thường, ân-ái phải ly-biệt, các vị không nên thỉnh Tôi nữa, những

pháp Tôi nói trước, các vị nên vâng giữ trọn-vẹn, thời như Tôi còn ở đời không khác!”

Xong rồi, Ngài trở về Trùng-Các giảng-đường và sẽ tiếp tục du-hành vào ngày mai.

IV. ĐỨC PHẬT GẶP PHÁI LY-XA

Sáng mai đức Thế-Tôn mặc áo, mang bát, cùng ông A-Nan vào thành khát-thực. Khát-thực rồi, Ngài lại trở về Trùng-Các giảng-đường. Ăn cơm xong, Ngài súc miệng, rửa thực-dụng, rồi Ngài cùng các vị Tỳ-Khưu đến thôn Càn-đô.

Đường đến thôn này phải qua thành Tỳ-Da-Ly. Khi qua thành này Ngài ngoảnh lại, trông hướng lên thành, cười. Ông A-Nan thấy thế, liền cúi đầu

đỉnh lễ xuống chân Phật, hỏi đức Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Đấng Vô-Thượng Đại-Tôn cười chắc có nhân-duyên, vậy kính xin đức Thế-Tôn chỉ-giáo cho con được biết!”

Đức Phật đáp: “Ông A-Nan! Sở dĩ Tôi hướng lên thành cười, chính vì nay là lần cuối cùng, Tôi trông thấy thành này vậy!”

Đương lúc Như-Lai thốt lời nói ấy, trong hư-không, không có mây, tự-nhiên mưa. Ông A-Nan thấy thế, lại bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Rất lạ-lùng, hư-không trong-sạch, không có chút khí thấp che phủ nào, bỗng nhiên mưa xuống trận mưa nhiều hạt như thế?”

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông A-Nan! Ông có biết việc ấy sao không, đây là chur Thiên trên hư-không, nghe thấy Tôi nói nay là lần cuối cùng Tôi trông thấy thành Tỳ-Da-Ly này, tâm chur Thiên áo-não quá, thương-cảm khóc-lóc. Đây là nước mắt của chur Thiên, không phải là nước mưa đâu!”

Ông A-Nan cùng các vị Tỳ-Khuru, nghe đức Phật nói lời ấy rồi, tâm lại buồn-rầu, buồn-bã ngất xuống đất, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Ngày nay Thiên, Nhân đau-khổ quá chừng, Thế-Tôn làm sao muốn ủy-xả cả, mà nhập Niết-Bàn được!”

Đức Như-Lai liền dùng phạm-âm an-ủi các vị: “Các vị! Các vị không nên sinh tâm lo-buồn, sầu-khổ nữa!.

Các vị Tỳ-Khưu bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay lần cuối cùng đức Thế-Tôn trông thành Tỳ-Da-Ly này, không bao lâu nữa, đức Thế-tôn sẽ nhập Niết-Bàn, chúng con làm sao không lo-buồn, đau-khổ được!”

Dần-dà như thế, người người bảo nhau, tiếng lan đến cả những người dòng Ly-Xa (Licchavi)[18]. Dòng Ly-xa này, nghe thấy lời nói ấy rồi, mang lòng buồn-rầu, khắp mình ửng huyết, khoa tay, bứt đầu, đấm ngực, kêu to: “Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian sắp mất rồi; chúng-sinh ngày nay không còn nơi quy-y nữa!”

Rồi, họ lại bảo lẫn nhau: “Nay chúng ta nên đến nơi Phật, khuyên-thỉnh Ngài ở lại thành Tỳ-Da-Ly và ở lại cõi thọ một

kiếp hay non một kiếp, đem lại lợi-ích cho chư Thiên, nhân-dân thế-gian”. Nói rồi, họ liền chỉnh-nghiêm xe-cộ, đến ngay nơi Phật.

Ra ngoài cửa thành, họ trông thấy đức Như-Lai ở đằng xa, lại thấy ông A-Nan, cùng các vị Tỳ-Khưu, khóc-lóc thướt-mướt, buồn-bã, áo-não, các người dòng Ly-xa lại càng cảm-động, thương-xót. Họ liền đến nơi Phật ở, đầu mặt lễ xuống chân Phật bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn, sắp nhập Niết-Bàn, hết thảy chúng-sinh sẽ mất con mắt trí-tuệ; chúng-sinh đương ở trong nơi đen-tối, làm sao thấy được những chỗ nên làm. Kính xin đức Thế-Tôn ở lại cõi thọ một

kiếp hay non một kiếp hãy nhập Niết-Bàn!”

Họ thỉnh đức Thế-Tôn đến ba lần như thế, đức Phật đáp: “Hết thảy pháp hữu-vi[19] đều thuộc về vô-thường; dù Tôi có ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp, rồi cũng quay về vô-thường!”

Khi ấy đức Như-Lai liền nói bài kệ:

Núi Tu-Di cao lớn,

Sau cũng phải tiêu-mòn.

Biển cả tuy rộng, sâu,

Rồi cũng phải khô cạn.

Nhật, nguyệt dù trong sáng,

Mấy nổi lặn phương Tây.

Cõi đất tuy kiên-cố,

Mang-gánh hết thảy vật;

Kiếp tận lửa nghiệp cháy,

Cũng lại về vô-thường.

Sự ân-ái hội-hợp,
Tất về nơi biệt-ly.
Nhu-Lai đời quá-khứ,
Thân kim-cương bất-hoại;
Cũng bị vô-thường chuyển,
Nay Ta há khác sao?
Chư Phật pháp như thế,
Các vị không nên thỉnh;
Đừng riêng đối với Tôi,
Mà sinh ra lo, buồn!
Khi đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi,
Ngài bảo các người dòng Ly-xa rằng:
“Các vị nên lắng lại cái tình khóc-lóc,
nghe kỹ lời Nhu-Lai nói buổi sau
cùng!”
Những người dòng Ly-xa kia bạch
rằng: “Quý hóa thay, lạy đức Thế-Tôn!

Kính xin đức Thế-Tôn nói cho, chúng con mong muốn được nghe”.

Bấy giờ đức Như-Lai trải tọa-cụ, ngồi kết gia-phu, các vị Tỳ-Khưu, cùng những người dòng Ly-xa kia, tự gượng nén nhin, ngồi về một bên. Đức Thế-Tôn bảo những người dòng Ly-xa kia rằng: “Các vị nên biết có bảy phương-pháp, ngày càng tiến thêm: Một là, vui vẻ hòa-đồng, không trái ngược nhau. Hai là, cùng giác-ngộ nhau và giảng bàn nghiệp thiện. Ba là, giữ-gìn giới cấm cùng giữ lễ-nghi. Bốn là, cung kính cha mẹ và các bậc tôn-trưởng khác. Năm là, thân-thích hòa-mục, thừa-thuận lẫn nhau. Sáu là, tháp miếu trong nước, sửa-sang cúng-dàng. Bảy là, vâng giữ Phật-pháp, thân kính Tỳ-

Khuru và Tỳ-Khuru-ni; yêu mến giúp đỡ các Ưu-bà-tắc cùng Ưu-bà-di. Nếu ai chịu làm bảy pháp như thế, uy-đức người ấy, ngày càng tiến thêm, đất nước hưng-thịnh, nhân-dân vui-vẻ. Từ nay cho đến lúc hết đời, các vị nên vâng giữ bảy pháp ấy, không nên biếng nhác!”

Những người dòng Ly-xa kia bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Trong bảy pháp ấy, nếu chúng con chỉ tu-hành được một pháp, còn làm cho uy-đức chúng con tiến thêm, huống là chúng con tu-hành trọn-vẹn được cả bảy pháp! Quý hóa thay, lạy đức Thế-Tôn! Nay chúng con được phúc-lợi này, trọn đời chúng con xin vâng giữ, không dám nhãng quên!”

Đức Phật bảo các vị Tỳ-Khưu: “Từ nay trở đi, các vị cũng nên tu-tập bảy pháp sau đây: Một là, vui-vẻ hòa-hài, như nước với sữa. Hai là, thường cùng tập-họp giảng bàn kinh pháp. Ba là, giữ-gìn giới cấm, không sinh tư-tưởng vi-phạm. Bốn là, cung-kính thầy cùng các bậc Thượng-tọa. Năm là, lo-liệu xếp-đặt và kính-mến các vị Tỳ-Khưu tĩnhtu nơi A-lan-nhã. Sáu là, khuyến-hóa đàn-việt, sửa-sang Tam-Bảo cùng những nơi an-nghỉ trong trụ-xứ. Bảy là siêng-chăm tinh-tiến giữ-gìn Phật-pháp. Các vị nên biết, nếu Tỳ-Khưu nào, làm được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tiến thêm!”

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp, các vị nên tu: Một là, không nên như hàng

tại-gia kinh-doanh sinh-nghiệp. Hai là, không bàn nhảm, nói đùa. Ba là, không ham ngủ-nghỉ, bỏ sự tinh-cần. Bốn là, không bàn những việc thế-gian vô-ích. Năm là, tránh xa bạn ác, thân-gần bạn lành. Sáu là, thường nghĩ chính-niệm, không sinh tà-tưởng. Bảy là, nếu trong Phật-pháp, có chỗ chứng được, lại cầu tiến hơn. Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công-đức trí-tuệ ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Có bảy pháp nữa các vị nên làm: Một là, đối với Phật, Pháp, Tăng, sinh lòng tin kiên-cố. Hai là, biết thẹn. Ba là, biết hổ. Bốn là, tâm thường ham nghe nhiều. Năm là, tâm không xúc-nổi. Sáu là, ham nghe nghĩa kinh. Bảy là, ham tu trí-tuệ. Nếu các vị

tu được bảy pháp ấy, công-đức trí-tuệ ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp “giác-ý”[20], các vị nên làm: Một là, trạch-pháp (chọn pháp). Hai là, tinh-tiến. Ba là, hỷ (vui vẻ). Bốn là, khinh-an (an-vui nhẹ-nhàng). Năm là, niệm (nhớ nghĩ). Sáu là, định (thiền-định). Bảy là, xả (rũ bỏ). Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp: Một là, quán vô-thường. Hai là, quán vô-ngã. Ba là, quán bất-tịnh. Bốn là, quán khổ. Năm là, không ham thế-gian. Sáu là, không mê ngũ-dục[21]. Bảy là, siêng tu đạo tịch-diệt (Niết-Bàn). Nếu

các vị làm được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp, các vị nên làm: Một là, thân thường làm lành (tử). Hai là, miệng thường làm lành. Ba là, ý thường làm lành. Bốn là, nếu có đàn-việt, bố-thí mọi vật, phân-phát bình-đẳng, không nên thiên-vị. Năm là, pháp mâu sâu-xa, ham nói không chán. Sáu là, không đem sách vở thế-gian dạy người. Bảy là, thấy người không đồng học, không sinh tâm ghen-ghét. Nếu các vị tu được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tăng-trưởng”.

“Các vị Tỳ-Khưu! Lại có bảy pháp, các vị nên làm: Một là, phân-biệt rành-rẽ chín bộ pháp[22]. Hai là, giải rõ nghĩa

ây. Ba là, hành-đạo, tụng-tập, đều phải hợp thời. Bốn là, đi, đứng, ngồi, nằm đúng trong nghi-tắc. Năm là, thuyết-pháp cho người phải lượng sức mình. Sáu là, nếu Bà-la-môn, Sát-ly, Trưởng-giả, Cư-sĩ, muốn lại nghe pháp, nên so lường khéo, nói theo căn-cơ. Bảy là, chia rành ngu, trí. Nếu các vị làm được bảy pháp ấy, công-đức, trí-tuệ, ngày ngày tăng-trưởng, thời có thể gìn-giữ được chính-pháp của Tôi!”

Bảy giờ, vợ những người dòng Ly-xa nghe thấy đức Phật không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn và đây là lần cuối cùng Ngài nhìn thành Tỳ-da-ly, tâm họ rất áo-não, thương khóc thướt-mướt, cùng với năm trăm quyến-thuộc, sắm-sửa năm trăm cỗ xe, chở các đồ cúng-

dàng. Tất cả mọi xe đều trần-thiết trang-nghiêm: cỗ xe do trâu trắng kéo, thò treo những phan-cái trắng-tinh; cho đến những cỗ xe sắc tím, đen, sắc vàng..., đều theo sắc trâu mà trần-thiết. Các xe trang-nghiêm rồi, họ lần-lượt ra ngoài thành, đi đến chôn Phật.

Khi ấy, đức Thế-Tôn xa xa trông thấy những người kia đương đi lại, Ngài bảo các vị Tỳ-Khưu: Các vị có trông thấy những người vợ của dòng Ly-xa, trước sau râm-rập, rất là trang-nghiêm, mỹ-lê đi lại đây không?

Các vị Tỳ-Khưu đáp: “Dạ, chúng con có trông thấy”.

Đức Phật bảo các vị Tỳ-Khưu: “Đây là những người dòng Ly-xa, trưởng-giả cùng vợ của họ thuộc thành Tỳ-Da-Ly

này, dung-nghi xuất nhập của họ, rất là bóng-loáng, như chur thiên trên cung trời Đao-ly không khác!”

Lúc những người vợ của dòng Ly-xa kia đến nơi Phật rồi, đầu mặt lễ xuống chân Phật, thương khóc thướt-mướt, không tự hãm được; họ đem các đồ cúng-dàng lên Phật và bạch rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn ở lại cõi thọ, giáo-hóa chúng-sinh. Nếu nay đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn, chúng con là kẻ mù tối, mãi mãi không thể khai-ngộ được. Vả lại, chúng con phúc ít, thụ sinh thân nữ-nhân, thường có những sự ngăn-ngại, không được tự-tại, không có duyên luôn luôn được thân-cận đức Thế-Tôn, đức Thế-Tôn

lại sắp nhập Niết-Bàn, thiện-căn chúng con ngày càng sút-kém!”

Khi ấy, đức Như-Lai liền đáp rằng: “Từ nay trở đi cho đến hết cõi thọ, các bà nên giữ giới tinh-cần, như người giữ con mắt; ý-niệm ngay-thẳng, đừng sinh tâm xiêm-nịnh, ghen-ghét, như thế tức là thường được thấy Tôi vậy!” Những người vợ của dòng Ly-xa kia, nghe đức Phật nói lời ấy rồi, càng thêm thương-xót, buồn-bã, không tự hãm được, liền ngồi lủi về một bên.

Bảy giờ, nàng Am-bà-la (Àm-rà) dung-nhan đoan-chính, đệ nhất thế-giới, nghe đức Phật không bao lâu nữa, sẽ nhập Niết-Bàn, nay là lần cuối cùng, Ngài nhìn thành Tỳ-Da-Ly, nàng mang lòng thương-xót, áo-não, khóc-lóc

thướt-mướt, liền cùng năm trăm quyển-thuộc của nàng, trang-nghiêm năm trăm cỗ xe, lần-lượt ra ngoài thành, đi đến nơi Phật.

Lúc đó, đức Thế-Tôn xa xa trông thấy họ đi lại, Ngài bảo các vị Tỳ-Khưu: “Các vị! Nay nàng Am-bà-la lại nơi Ta, hình-dáng nàng ấy, đẹp lạ tuyệt-vời, cả thế-gian này, không ai sánh kịp. Các vị đều nên đoan-tâm, chính-niệm, đừng sinh ý-tưởng say-mê. Là vị Tỳ-Khưu nên quán thân này, có những thứ bất-tịnh: gan, mật, dạ-dây, ruột, tim, phổi, thận, lá-lách, phân, giải, máu, mủ... đầy-dẫy trong ấy những thứ bất-tịnh, lại có đến tám vạn con trùng ở ngay trong ấy và lông, tóc, móng, răng, da mỏng bọc thịt, chín lỗ thường

chảy[23]..., không một cái gì có thể vui-thích được. Lại, căn-bản đầu tiên sinh ra thân này, do nơi bất-tịnh và chỗ có thể vãng-lai của thân này, đều làm cho bất-tịnh tuôn chảy. Tuy trang-sức bằng những tơ-lụa sặc-sỡ, xông những hương thơm, nhưng, cũng ví như trong bình báu đựng đồ xú-úế. Và, thân khi chết, chường-phên, rữa-nát, đót đót rời-rã, trong thân có trùng, lại rĩa thịt ăn; còn bị hùm beo, chim cú, chim cắt... mổ-rĩa. Người đời ngu si, không biết quán-sát chân-chính, mê-đắm ân-ái, giữ cho đến chết, và ở trong ấy, vọng-sinh tham-dục. Người nào có trí, lại ưa muốn thế?”

Đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

Tuy đeo đồ anh-lạc[24],

Hương, hoa tự sữa-sang;
 Phân, giải cùng mũi, dãi,
 Bất-tịnh đựng đầy trong.
 Chúng-sinh mền-tiếc, giữ,
 Mê-làm không giác-ngộ;
 Cũng như tro phủ lửa,
 Người ngu xéo lên trên.
 Trí-giả nên xa tránh,
 Đừng sinh tâm nhiễm-trước.
 Khi ấy nàng Am-bà-la đến trước đức
 Phật, đầu mặt lễ xuống chân Phật, đem
 các đồ cúng-dàng, cúng-dàng lên Phật,
 nuốt lệ nghẹn-ngào, bạch Phật rằng:
 “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-
 Tôn ở lại cõi thọ, lưu lại thế-gian,
 không nhập Niết-Bàn, đem lại lợi-ích
 cho chư Thiên, nhân-dân thế-gian. Nếu
 đức Thế-Tôn định nhập Niết-Bàn, hết

thả chúng-sinh, không còn ai dắt-dẫn, như đứa trẻ mất mẹ hiền!”

Lúc đó, đức Thế-Tôn bảo nàng Am-bà-la: “Tính, tướng của hết thả hành-tướng sự-vật như thế, nay nàng không nên sinh tâm bi-não!”

Đức Thế-Tôn liền thuyết-pháp cho tất cả mọi người lại nơi Phật nghe: “Này các vị! Các vị từ nay trở đi nên giữ-gìn giới cấm, không nên thiếu-sót, vi-phạm. Những người phá-giới, Thiên, long, quỷ-thần đều chán-ghét, tiếng xấu đồn khắp, người không muốn thấy; nếu ở trong chúng, không có uy-đức, các thiện-quỷ-thần lại không thủ-hộ; khi mệnh sắp mất, tâm-thức sợ-hãi và dù có chút thiện-nghiệp, đều không nhớ nghĩ, chết liền theo nghiệp, chịu sự

đau-khổ trong địa-ngục, trải nhiều kiếp số, sau mới được ra lại chịu làm thân ngã-quí, súc-sinh. Cứ luân-chuyển, thế, không biết kỳ nào sẽ được giải-thoát. Trái lại, Tỳ-Khưu giữ giới, Thiên, long, quý-thần, đều cùng cung-kính, tiếng tốt đồn khắp, cả thế-gian hay; ở trong đại-chúng, uy-đức rõ-thịnh, các thiện-quí-thần, thường theo thủ-hộ, khi mệnh sắp mất, chính-niệm phân-minh, chết sinh ngay vào những nơi thanh-tịnh”.

Giữa lúc Như-Lai nói pháp ấy, sáu vạn tám nghìn ức Thiên, Nhân tám bộ xa-lìa trần-cầu[25] được pháp-nhãn-tịnh[26]; sáu mươi vị Tỳ-Khưu, lậu-nghiệp hết, ý khai-giải[27], thành bậc A-la-hán[28].

Bấy giờ đức Thế-Tôn bảo những người dòng Ly-xa cùng vợ họ và nàng Am-bà-la rằng: “Ta nay muốn đi đến thôn Càn-đồ, các vị đều nên trở về nơi ở của mình và các vị nên biết: tất cả các hành-tướng (sự-vật) đều là vô-thường, các vị chỉ nên tu-hành theo những pháp Tôi đã nói, các vị đừng nên làm như đứa trẻ khóc-lóc, thương-xót áo-não!”

Nói rồi đức Thế-Tôn liền từ tòa ngai của mình đứng dậy. Những người dòng Ly-xa cùng vợ họ và nàng Am-bà-la, nghe đức Phật nói lời ấy, đấm ngực, bứt đầu, kêu gào, khóc-lóc, noi đường theo Phật không chịu trở về.

Đức Thế-Tôn thấy tình luyến-mộ sâu-xa như thế, không thể dùng lời nói an-ủi được, Ngài liền dùng sức thần-

thông, hóa làm con sông ngập nước, bờ sông sâu-thẳm, sóng rồ nước chảy vun-vút. Khi ấy, những người dòng Ly-xa cùng vợ họ và nàng Am-bà-la thấy đức Như-Lai, các vị Tỳ-Khưu đã ở bờ sông bên kia, tất cả càng thêm cảm-động, thương xót, buồn-bã, vật-vã lăn ra đất, cùng nói nhỏ với nhau rằng: “Quái lạ, bỗng dưng nơi đây lại có con sông lớn này, mà lại có sóng vỗ âm-âm kinh sợ? Hẳn là đức Như-Lai thấy chúng ta đi theo không bỏ, mà hóa làm ra thế, để cho hết đường đi vậy!” Những người dòng Ly-xa kia cùng vợ họ và nàng Am-bà-la, không qua sông được, lòng càng thôn-thức, ngặt-nghèo, nghẹn-ngào, tuyệt-vọng trở về.

Bấy giờ đức Như-Lai đến thôn Càn-đồ,
 Ngài ngồi trong khu rừng phía Bắc,
 bảo các vị Tỳ-Khưu rằng: “Các vị nên
 biết có bốn pháp: Một là Giới, hai là
 Định, ba là Tuệ, bốn là Giải-Thoát, nếu
 ai không nghe biết bốn pháp ấy, người
 ấy đời đời ở trong bể sinh-tử. Xưa kia
 Tôi nếu không nghe biết bốn pháp ấy,
 Tôi không thể chứng được đạo-quả Vô-
 thượng Chính-đẳng, Chính-giác được!”
 Đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

Giới, Định, Tuệ, Giải-thoát,
 Nếu Ta không nghe lâu;
 Không thể chóng chứng được,
 Đạo vô-thượng chính-chân.
 Các vị nên tinh-tiến,
 Tu-tập bốn pháp ấy;
 Dứt được khổ sinh-tử,

Ruộng phúc nhất Thiên, Nhân.
 Đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài lại
 vì các Tỳ-Khưu phân-biệt và nói rộng
 nghĩa của bốn pháp ấy. Trong lúc đức
 Như-Lai nói những pháp ấy, một nghìn
 hai trăm vị Tỳ-Khưu, tức thời đối với
 mọi pháp, lậu-nghiệp hết, ý khai-giải,
 thành bậc A-la-hán.

TOÁT-YẾU

Đường đến thôn Càn-đồ, phải qua
 thành Tỳ-da-ly.

Đức Thế-Tôn đi qua thành này Ngài
 ngửa mặt lên nhìn và cười – nụ ười
 hàm-ý vĩnh-biệt của Ngài.

Giữa lúc ấy chư Thiên trên hư-không
 khóc-lóc, nước mắt chảy xuống như
 mưa. Các vị Tỳ-Khưu lại buồn!

Do đó, các người dòng Ly-xa, thành Tỳ-da-ly nghe biết, kéo nhau đến lễ Phật và thỉnh Phật lưu lại thế-gian, đức Phật dạy: “Sự-vật đều vô-thường: Núi Tu-di, biển rộng lớn, mặt trời, mặt trăng, cõi đất, sự ân-ái, thân kim-cương... đều bị vô-thường chuyển-ly! Thôi, các vị đừng thỉnh Tôi nữa! Các vị hãy lắng tâm nghe Tôi nói về 7 pháp sau đây: 1/ Vui-vẻ, hòa-thuận với nhau. 2/ Giác-ngộ nhau và bàn về nghiệp thiện. 3/ Giữ giới và lễ-nghi. 4/ Cung-kính cha mẹ, các bậc tôn-trưởng. 5/ Thân-thích hòa-mục thừa-thuận lẫn nhau. 6/ Sửa-sang, cúng-dàng thắp-miêu trong nước. 7/ Giữ Phật-pháp, kính Tỳ-Khưu và quý mến thiện-nam, tín-nữ”.

Ngài lại hướng về các vị Tỳ-Khưu, dạy các vị nhiều pháp thiết-thực, cần thực-hành[29].

Sau đó, vợ những người dòng Ly-xa đến lễ Phật và cũng thỉnh đức Phật lưu lại thế-gian. Đức Phật không nhận lời và khuyên: “Nên giữ giới tinh-cần và ý-niệm ngay thẳng, không nên xiêm-nịnh, ghen-ghét, tức như Tôi ở đời vậy!”

Đến lượt nàng Am-bà-la.

Nàng là một người có sắc đẹp tuyệt-vời. Phòng sự khởi tâm của chúng, trước khi nàng đến, đức Phật đã cho đại-chúng biết về phép quán bất-tịnh.

Nàng đến, lễ Phật, thỉnh Phật và đức Phật cũng dạy như các vị đến trước.

Một lần nữa, Ngài khuyên chung tất cả nên giữ giới thanh-tịnh, không nên thiếu-phạm. Và, Ngài nói về sự lợi, hại của người giữ giới và phạm giới.

Sau cùng, Ngài từ-biệt ra đi đến thôn Càn-đồ.

Vì sự quá quấy-luyến của mọi người quyết theo Ngài không trở về, Ngài phải hóa làm con sông ngăn-cách hai bên, mới đi được.

Đến thôn Càn-đồ, Ngài dạy các vị Tỳ-Khưu về 4 pháp: Giới, Định, Tuệ và Giải-thoát.

V. 4 ĐẾ VÀ 4 QUYẾT-THIỆT

Sau đó, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu, đều từ tòa ngòai của mình đứng dậy, đi đến thôn Tượng, thôn Am-bà-la, thôn Diêm-phù, cho đến thành

Thiện-già. Đến thành kia, Ngài cùng các vị Tỳ-Khưu đi quanh trước sau, rồi ngồi tại một nơi. Đức Thế-Tôn bảo các vị Tỳ-Khưu: “Có bốn Thánh-đế, các vị nên chăm quán-sát: Một là Khổ-đế. Hai là Tập-đế. Ba là, Diệt-đế. Bốn là, Đạo-đế.

Các vị Tỳ-Khưu! KHỔ-ĐẾ tức là tám-khổ: Một là, khổ về sinh, hai là, khổ về già, ba là, khổ về bệnh, bốn là, khổ về chết, năm là, khổ về mong cầu không được, sáu là, khổ về sự oán-ghét phải hội-ngộ, bảy là, khổ về tình ân-ái phải biệt-ly, tám là, khổ về năm ám[30] rõ-thịnh. Các vị nên biết: tám thứ khổ ấy cùng pháp hữu-lậu[31] bức-bách, nên thực là khổ.

TẬP-ĐẾ: Vô-minh tham-ái làm nhân căn-bản cho tám khổ kia, nên biết Tập-đế này thực là nhân của khổ.

DIỆT-ĐẾ: Vô-minh tham-ái diệt, ngắt dứt nhân khổ, nên biết Diệt-đế này thực là diệt.

ĐẠO-ĐẾ: Tức là bát-chính-đạo (tám con đường chính): Một là, chính-kiến (hiểu biết, tư-tưởng chân-chính), hai là, chính tư-duy (suy-nghĩ chân-chính), ba là, chính-ngữ (nói năng chân-chính), bốn là, chính-nghiệp (hành-động chân-chính) năm là, chính-mệnh (nghề sống chân-chính), sáu là, chính tinh-tiến, bảy là, chính-niệm (nhớ nghĩ chân-chính), tám là chính-định. Tám pháp ấy, thực là con đường của Thánh-nhân. Nếu ai tinh-siêng quán được bốn Thánh-đế ấy,

nhất-định chóng xa được bề sinh-tử, đến nơi giải-thoát.

Các vị Tỳ-Khưu! Trong bốn Thánh-đề ấy, nếu ai đã đạt tới chỗ cứu-cánh, cũng nên cố gắng giải-thuyết cho người khác. Sau khi Tôi diệt-độ, các vị cũng nên siêng năng suy-nghĩ, tu-tập.”

Giữa lúc đức Như-Lai nói pháp này, năm trăm vị Tỳ-Khưu, lậu-nghiệp hết, ý khai-giải, thành bậc A-La-Hán; bốn vạn chư Thiên trên hư-không, do nơi pháp này, xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.

Đức Thế-Tôn lại bảo các vị Tỳ-Khưu: “Có bốn pháp quyết-định về sự nói: (quyết-thuyết): Một là, nếu có vị Tỳ-Khưu, ham thuyết-pháp, nói là: “tôi thân theo Phật, nghe Phật nói pháp như

thế, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy và tôi thụ-trì, đọc tụng rất thông-lợi”; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng các vị nên theo chỗ nghe được ấy, tự suy-nghĩ, rành-rẽ, đúng trong kinh, luật, luận (pháp-tướng) có pháp ấy ư? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy các vị nên thụ-trì, khen ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ-trì, cũng không nên khen-ngợi. Các vị nên biết: pháp ấy không phải Tôi nói.”

Hai là, nếu có vị Tỳ-Khuru ham thuyết-pháp nói là: “tôi ở chỗ kia... nghe các vị Tỳ-Khuru-Tăng được pháp như thế, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy. Và tôi thụ-trì, đọc-tụng rất thông-lợi”; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng, các vị nên

theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy-nghĩ rành-rẽ, đúng trong kinh, luật, luận có pháp ấy ư? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy, các vị nên thụ-trì, khen-ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ-trì, cũng không nên khen-ngợi. Các vị nên biết: pháp ấy không phải Tôi nói cũng không phải các vị Tỳ-Khuru kia nói”.

Ba là, nếu có vị Tỳ-Khuru, ham thuyết-pháp, nói là: “tôi theo nơi Tăng-già-lam[32] kia, nơi A-lan-nhã[33] kia, có nhiều vị Tỳ-Khuru thượng-tọa, đều là các vị nghe nhiều, học giỏi, thông-minh, trí-tuệ, nói ra pháp ấy, tôi được nghe, tôi hiểu rành nghĩa của pháp ấy và tôi thụ-trì, đọc tụng rất thông-lợi”;

các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng, các vị nên theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy-nghiĩ rành-rẽ, đúng trong kinh, luật, luận có pháp ấy ư? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy, các vị nên thụ-trì, khen-ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ-trì, cũng không nên khen-ngợi. Các vị nên biết: pháp ấy không phải Tôi nói.”

Bốn là, nếu có vị Tỳ-Khưu ham thuyết-pháp, nói là: “tôi theo nơi Tăng-già-lam kia, nơi A-lan-nhã kia, có một vị Tỳ-Khưu thượng-tọa, trí-tuệ, nghe nhiều, nói ra pháp ấy, tôi được nghe, tôi hiểu rành-rẽ nghĩa của pháp ấy và tôi thụ-trì, đọc tụng rất thông-lợi”; các vị nên thỉnh vị ấy nói, nhưng các vị nên

theo chỗ nghe được pháp ấy, tự suy-nghĩ rành-rẽ, đúng trong kinh, luật, luận có pháp ấy ư? Nếu trong kinh, luật, luận có pháp ấy, các vị nên thụ-trì, khen-ngợi là quý lắm. Nếu trong kinh, luật, luận không có pháp ấy, các vị không nên thụ-trì, cũng không nên khen-ngợi! Các vị nên biết pháp ấy không phải Tôi nói.”

Các vị nên phân-biệt rõ bốn pháp quyết-định về sự nói ấy, lại cũng dùng pháp ấy phân-biệt thuyết-pháp, trao-truyền cho người khác.

Dù Tôi còn ở đời hay Tôi nhập Niết-Bàn, dối-trá hay chân-thực, các vị dùng pháp ấy, biết rõ!”

Khi ấy, các vị Tỳ-Khưu bạch Phật rằng: “Quý hóa thay, lay đức Thế-Tôn!

Từ nay về sau, chúng con xin phân-biệt lời Phật nói và lời ma nói!”

TOÁT-YẾU

Qua thôn Tượng, thôn Am-bà-la, thôn Diêm-phù đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu đến thành Thiện-Già. Tại đây, Ngài dạy các vị Tỳ-Khưu nên chăm quán-sát về Tứ-thánh-đế: Khô-đế, Tập-đế, Diệt-đế và Đạo-đế.

Ngài lại dạy các vị về bốn pháp quyết-định của sự nói: Bốn pháp ấy là:

1/ Có vị Tỳ-Khưu nào nói là thân đi theo Phật, nghe được pháp ấy, hiểu nghĩa và thụ-trì đọc tụng pháp ấy rất thông-lợi, thời các vị nên đem chỗ nghe được ấy, suy-nghĩ xem pháp ấy có đúng với kinh, luật, luận hay không. Nếu đúng các vị nên thụ-trì, khen-ngợi.

Bằng không đúng thì thôi, vì pháp ấy không phải Tôi nói.

2/ Có vị Tỳ-Khưu nào nói là ở nơi các vị Tỳ-Khưu-Tăng kia được nghe pháp ấy v.v... cũng cần nên suy-nghĩ như trên.

3/ Có vị Tỳ-Khưu nào nói là ở nơi Tăng-già-lam, A-lan-nhã kia, có nhiều vị Tỳ-Khưu thượng-tọa giỏi, nói ra pháp ấy và vị ấy được nghe v.v... cũng cần nên suy-nghĩ như trên.

4/ Có vị Tỳ-Khưu nào nói là ở nơi kia có một vị Tỳ-Khưu thượng-tọa giỏi, nói ra pháp ấy và vị ấy được nghe v.v... cũng cần nên suy-nghĩ như trên.

Ngài dạy tiếp: “Các vị nên phân-biệt rõ 4 pháp quyết-định về sự nói ấy và cũng dùng 4 pháp ấy phân-biệt thuyết-pháp,

trao-truyền cho người khác. Dù Tôi ở đời hay nhập Niết-Bàn, dối-trá hay chân-thực, các vị dùng pháp ấy biết rõ!”

VI. PHÁT-BA-DỤC-ĐẾ CÚNG TRAI

Bảy giờ, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu đều từ tòa ngòai của mình, đứng dậy, đi đến thôn Cưu-bà. Đến thôn kia, Ngài cùng các vị Tỳ-Khưu, đi quanh trước sau, rồi ngòai xuống dưới một góc cây.

Khi ấy, những người Bà-la-môn, Trưởng-giả, Cư-sĩ trong thôn kia, nghe thấy đức Phật đã đến thôn mình, đều cùng nhau đổ xô đến chón Phật. Đến nơi, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi ngòai lui về một bên, bạch Phật rằng:

“Lạy đức Thế-Tôn! Nay đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu tới thôn chúng con, chúng con riêng nhận có ý-thú khác!”

Đức Như-Lai liền đáp: “Sau đây ba tháng Tôi sẽ nhập Niết-Bàn, nên từ thành Tỳ-Da-Ly, đi khắp thôn-ấp lần-lượt Tôi đến thôn này!”

Mọi người nghe đức Phật nói lời ấy, thương khóc áo-não, buồn-bã lăn ra đất, khoa tay, bứt đầu, đấm ngực kêu to: “Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian mất rồi, chúng con không bao lâu nữa, mất nơi quy-hướng, dẫn-đạo!”

Kêu rồi họ sụt-sùi bạch rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Kính xin đức Thế-Tôn, ở lại cõi thọ trong một kiếp hay non một kiếp.”

Đức Thế-Tôn đáp: “Các vị không nên sinh tâm buồn-rầu như thế! Sao vậy. – Tính, tướng của pháp hữu-vi như thế. Các vị nên bỏ tính lo buồn đi, tĩnh-tâm nghe Tôi thuyết-pháp lần cuối cùng!”

Lúc đó, những người kia, tự gượng nín nhịn, cúi đầu lắng nghe. Khi ấy, trong tòa ngòai kia, có một người Bà-la-môn, tên là Phát-ba-dục-đế, là người thông-minh, trí-tuệ, nghe nhiều, nhớ kỹ, đức Như-Lai liền bảo người ấy rằng: “Các vị nên biết: người tại-gia có bốn pháp, phải nên tu-tập: Một là, cung-kính cha mẹ, hết lòng hiếu-duỡng. Hai là, thường đem pháp lành, dạy bảo vợ con. Ba là, thương, nhớ tội đời, biết những thức họ có hay không. Bốn là, gần-gũi thiện-tri-thức, xa tránh người ác. Nếu

các ông thường làm được bốn pháp ấy, đời nay được người kính mến, đời sau thường sinh vào chốn thiện.

Lại nữa, ông Phát-ba-dục-đế! Người tại-gia có bốn pháp vui: Một là, không nợ tiền của người khác, thời không có sắc mặt hổ-thẹn. Hai là, người rất giàu có, tự tiếc không dám dùng gì, ngay đến cha mẹ, vợ con, thân-thích quyến-thuộc, đều không chu-cấp và không cúng-dàng các bậc Sa-môn, Bà-la-môn. Ba là, người rất giàu có, thân mặc áo đẹp, miệng ăn mùi ngon; biết cúng-dàng cha mẹ, thân-thích quyến-thuộc đều chu-cấp và phụng-sự các bậc Sa-môn, Bà-la-môn. Bốn là, người được ba nghiệp: thân, khẩu, ý, không làm ác;

thông-minh trí-tuệ, ưa thích nghe nhiều.

Các ông nên biết: người tại-gia tuy có pháp vui ấy, nhưng, người không mang nợ người khác cùng người chỉ có tâm sển tham, thời pháp ấy gọi là pháp vui tối hạ; người hay làm việc bố-thí, là pháp vui của bậc trung, còn người mà nghiệp thân, nghiệp khẩu, nghiệp ý, không tạo ác, thông-minh, trí-tuệ, ưa thích nghe nhiều, thời pháp ấy là pháp vui hơn hết (thượng thắng)”.
 Đức Như-Lai liền nói kệ:

Không nợ cùng sển tham,
 Gọi là vui tối hạ,
 Có của đem bố-thí,
 Ấy là vui bậc trung.
 Ba nghiệp luôn trong sạch,

Trí-tuệ, thích nghe nhiều;
 Đó là vui hơn hết,
 Người trí-tuệ chăm làm.

Các vị từ ngày nay,
 Cho đến hết cõi thọ;
 Già trẻ dạy lẫn nhau,
 Làm pháp trung, thượng ấy.[34]

Bấy giờ, bọn ông Phát-ba-dục-đế bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Từ nay chúng con xin đem pháp trung và pháp thượng (hơn hết), mở tỏ và dìu-dắt lẫn nhau!”

Khi ấy, bọn ông Phát-ba-dục-đế, năm trăm người liền ở trước Phật, thụ tam quy-y[35] và ngũ giới[36]. Bọn ông Phát-ba-dục-đế kia lại bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn cùng chư Tỳ-Khưu-Tăng, ngày mai hoan-hỷ nhận sự cúng-

dàng của chúng con.” Đức Như-Lai mặc nhiên ưng-thuận.

Bọn ông Phát-ba-dục-đế biết đức Phật ưng-thuận rồi, liền từ tòa ngòai của mình đứng dậy, cùng chúng-nhân lại chiêm lễ ở đây, đều lễ Phật lui về.

Về đến nhà mình, suốt đêm họ đi sắm-sửa các thức ăn uống thơm-tho, ngon-lành. Đến ngày mai, khi sắp đến giờ ăn, họ sai người tín thành tới bạch Phật: “Kính xin Đức Thế-Tôn, biết thì giờ thụ-trai, việc trai-soạn đã xong!”

Khi ấy, đức Như-Lai cùng các vị Tỳ-Khưu-Tăng, vây quanh trước sau Phật, đi tới nhà bọn ông Phát-ba-dục-đế. Đến nơi, lần-lượt ngòai xuống. Ông Phát-ba-dục-đế, thấy đức Phật và chúng Tăng, đều an-tọa rồi, ông đi lấy nước, tự tay

châm-chước[37] các thức ăn uống. Còn năm trăm người Bà-la-môn, Trưởng-giả, cư-sĩ, đều đem những cỗ cơm ngon tới nhà ấy, cùng cúng-dàng lên Phật.

Giữa bữa ăn, trong các vị Tỳ-Khưu, có vị không khéo giữ uy-nghi nơi thân-tướng, các người Bà-la-môn, Trưởng-giả, Cư-sĩ trông thấy vị ấy như thế, trong tâm không được vui-vẻ.

Đức Thế-Tôn biết tâm chúng-nhân như thế, Ngài liền phổ-cáo rằng: “Các ông nên biết: chính-pháp của Như-Lai sâu rộng như bể, không thể sánh-lường được. Trong bể lớn, có những chúng-sinh thân-thể rất to, dài đến một vạn sáu nghìn do-tuần, hoặc có chúng-sinh thân dài tám nghìn do-tuần, thân dài bốn nghìn do-tuần, thân dài một nghìn

do-tuần, thân dài một tấc, nửa tấc, cho đến những thân cực-vi. Bể pháp của Như-Lai cũng thế, trong ấy hoặc có vị được quả A-la-hán, đủ ba phép minh[38] cùng sáu phép thần-thông[39] là vị có uy-đức lớn, đem lại phúc-lợi cho Nhân-Thiên và trong ấy lại cũng có vị được quả A-Na-Hàm[40], Tư-Đà-Hàm[41], Tu-Đà-Hoàn[42], nghĩa là, trong ấy cũng có các vị được tứ quả - tứ hướng[43]; cho đến cũng có những người phàm-phu chưa được pháp-lợi gì. Thế nên, các vị không nên đối với trong bể pháp, sinh tâm nghi-ngại!”

Lúc đó đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:
 Hết thấy mọi dòng sông,
 Đều chảy về biển cả.

Cúng cơm Phật và Tăng,
Phúc về mình cũng vậy!

Đức Như-Lai nói bài kệ ấy rồi, Ngài lại vì mọi người, nói hết thấy mọi pháp. Ở trong pháp ấy, bọn ông Phát-ba-dục-đề năm trăm người, xa lìa trần-khổ, được pháp-nhãn-tĩnh.

TOÁT-YẾU

Đến thôn Cưu-Bà đức Phật cùng các vị Tỳ-Khưu đến ngồi dưới gốc cây.

Những người Bà-la-môn, Trưởng-giả, Cư-sĩ trong số ấy có cả ông Phát-ba-dục-đề trong thôn nghe biết, kéo nhau đến lễ Phật, được biết đức Phật sắp nhập Niết-Bàn. Họ kêu khóc, thỉnh Phật lưu lại thế-gian, nhưng Phật không nhận lời và đều được Ngài an-ủi như bao lần trước.

Tới đây, Ngài dạy: “Người tại-gia có 4 pháp cần nên tu-tập:

- 1/ Cung-kính và hiếu-dưỡng cha mẹ.
- 2/ Đem pháp lành dạy vợ con.
- 3/ Thương mến và giúp đỡ tôi-tớ.
- 4/ Gần bạn lành, tránh bạn ác.

Ngài lại dạy: “Người tại-gia có 4 pháp vui:

- 1/ Không nợ ai.
- 2/ Giàu có nhưng bỏn sẻn với cả mình, cha mẹ, thân-thích v.v...
- 3/ Cự-phú biết ăn mặc, cung-dưỡng cha mẹ, thân-thích, phụng-sự các vị tu-hành.
- 4/ Thân, khẩu, ý, không làm ác, thông-minh, trí-tuệ, nghe nhiều.

Bốn hạng người này, 2 hạng đầu là pháp vui tối hạ, hạng thứ 3 là bậc

trung, còn hạng thứ 4 là bậc thượng. Vậy, từ nay các vị nên làm theo bậc trung và bậc thượng kia!”

Mọi người nghe Phật nói pháp đều hoan-hỷ, xin thụ Tam-quy, ngũ-giới và xin thỉnh Phật cùng chúng Tăng ngày mai tới nhà nhận sự cúng-dàng của họ. Trong bữa ăn, có vị không nghiêm-chỉnh uy-nghi, họ trông thấy, tâm họ không được vui vẻ. Đức Phật cảm thấy thế, Ngài dạy: “Trong bể lớn có nhiều loại chúng-sinh, to, nhỏ khác nhau, trong bể Pháp của Tôi cũng vậy, có các vị được Tứ-quả và cũng có những người phàm-phu chưa được pháp-lợi gì. Các vị không nên ngờ-vực. Và, biết rằng cúng-dàng Phật, chúng Tăng,

phúc ấy mình sẽ được, như nước mọi sông, đều chảy về bể cả!”

Nghe đức Phật nói, mọi người xa lìa được trần-cầu và được pháp-nhãn-tịnh.

VII. ÔNG THUẦN-ĐÀ THỈNH PHẬT

Sau đó, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu-Tăng từ tòa ngòai của mình đứng dậy, lại tiến về phía trước, đến thành Ba-ba. Khi ấy, bọn ông Phất-ba-dục-đế năm trăm người, thương xót kêu-khóc, kính-tiến đức Như-Lai lên đường, họ bồi-hồi đoái nhìn mộ-kính, đến khi không trông thấy nữa, họ mới trở về.

Khi đức Thế-Tôn đến thành Ba-ba rồi, trong thành kia, có người con của một thợ khéo, tên là Thuần-Đà (Cunda). Nhà ông Thuần-Đà có một khu vườn,

rất tĩnh-mịch, đức Như-Lai liền cùng các vị Tỳ-Khưu vây-quanh trước sau, đi đến vườn kia.

Ông Thuần-Đà nghe biết đức Phật cùng chúng Tăng đến vườn nhà mình, vui mừng hơn hở, không tự hãm được, ông cùng những người đồng loại, đều đến nơi Phật, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi đứng lùi một bên, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Chúng con không biết đức Thế-Tôn, có duyên gì tới đây, hoặc có ý-thú gì khác?”

Đức Thế-Tôn đáp: “Nay Tôi sở-dĩ đến đây, là vì không bao lâu nữa Tôi sẽ nhập Niết-Bàn, Tôi muốn tương kiến lần cuối cùng!”

Bấy giờ, ông Thuần-Đà cùng những người đồng loại của ông, nghe đức

Phật nói lời ấy, tâm não-thương quá, buồn-bã lặn ra đất, ngất đi giờ lâu mới tỉnh, khẽ bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế-Tôn! Nay Ngài bỏ chúng-sinh, không đem lòng từ, niệm đến họ nữa hay sao mà Ngài muốn nhập Niết-Bàn? Kính xin Ngài hãy ở lại cõi thọ một kiếp hay non một kiếp!” Tức thời, ông lại bứt đầu, đâm ngực, kêu to: “Than ôi, khổ lắm thay! Con mắt của thế-gian mất rồi, hết thấy chúng-sinh từ nay về sau chìm-đắm trong bể sinh-tử, không có kỳ nào ra khỏi được! Sao vậy? Đáng Vô-Thượng Đạo-Sư nhập Niết-Bàn rồi!”

Đức Thế-Tôn bảo ông Thuần-Đà: “Nay ông không nên sinh tâm lo buồn, hết thấy mọi hành-tướng của các pháp đều

như thế, đều bị vô-thường đối đời; ân-ái hội-hợp, quyết có lúc ly-biệt, nên nay ông đừng sinh tâm lo-buồn nữa!”

Ông Thuần-Đà liền bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay chúng con cũng biết mọi hành-tướng là vô-thường, ân-ái hội-hợp đều phải biệt-ly nhưng, đấng Vô-Thượng-Tôn sẽ nhập Niết-Bàn, làm sao chúng con không thương-xót, áo-não được!”

Khi ấy, đức Thế-Tôn vì ông Thuần-Đà nói hết thấy pháp. Ông Thuần-Đà nghe rồi, tâm lo buồn hơi bớt, liền từ tòa ngồi của mình đứng dậy, thân chỉnh uy-nghi, chề áo vai hữu, đỉnh lễ xuống chân Phật, bạch rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Ngày mai kính xin đức Thế-Tôn, nhận sự cúng-dàng đạm-bạc của chúng

con!” Đức Thế-Tôn mặc nhiên ưng-thuận.

Lúc đó, ông Thuần-Đà biết đức Phật đã ưng-thuận, ông liền lễ xuống chân Phật, lui về.

Ông Thuần-Đà về nhà, suốt đêm sắm-sửa nhiều thức ăn uống ngon lành. Ngày mai, khi sắp đến giờ ăn, ông sai người tín-thành tới bạch Phật: “Kính xin đức Thế-Tôn biết thì giờ thụ-trai, việc trai-soạn đã xong!”

Khi ấy, đức Như-Lai cùng các vị Tỳ-Khuru vây-quanh trước sau Ngài, đến nhà ông Thuần-Đà. Đến nơi, lần-lượt ngồi xuống. Ông Thuần-Đà thấy đức Phật ngồi rồi, ông liền đi lấy nước, tự tay châm-chước các đồ tinh-soạn xuống bát. Đức Thế-Tôn cùng chúng

Tăng ăn xong, rửa bát, về chỗ ngồi cũ. Ông Thuận-Đà cũng ngồi. Đức Thế-Tôn bảo ông Thuận-Đà: “Nay ông đã làm được việc phúc hiếm có. Cúng-dàng cơm Phật và các vị Tỳ-Khuru-Tăng lần cuối cùng, quả-báo ấy, không bao giờ hết được. Mọi phúc của hết thảy chúng-sinh gieo-trồng, không có gì có thể so-sánh được với phúc cúng-dàng của ông, ông nên tự sinh ra tâm vui mừng. Nay lần cuối cùng ta nhận lời thỉnh của ông xong, Ta không nhận lời thỉnh cúng cơm của ai nữa!”

Đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

Ông nay đã dựng nên,
 Một công-đức hiếm có;
 Cuối cùng được cúng cơm,
 Phật cùng Tỳ-Khuru-Tăng.

Công-đức ngày thêm lên,
 Mãi mãi không cùng-kiệt.
 Nay ông nên tự mình,
 Sinh tâm rất vui mừng;
 Hết thấy phúc người tạo,
 Không sánh kịp phúc ông!

TOÁT-YẾU

Đến thành Ba-ba, đức Phật cùng chúng
 Tăng đến nghỉ tại khu vườn của nhà
 ông Thuần-Đà.

Ông Thuần-Đà cùng những người
 đồng-loại nghe biết, đến lễ Phật và
 thỉnh-vấn việc Ngài tới đây. Ngài dạy:
 “Tôi sắp nhập Niết-Bàn, nên Tôi muốn
 tới đây tương-kiến”.

Ông Thuần-Đà cùng mọi người nghe
 thấy thế buồn-rầu, kêu-khóc thỉnh Phật

lưu lại thế-gian, thời Ngài đều an-ủi như bao người trước.

Tiếp đó, ông thỉnh Phật cùng chúng Tăng ngày mai hoan-hỷ tới nhà ông dùng cơm. Đức Phật im-lặng.

Sau bữa cơm, đức Phật bảo ông Thuần-Đà: Nay ông đã làm được việc phúc hiêm có là cúng-dàng Phật, chúng Tăng lần cuối cùng. Phúc-báo ấy không bao giờ hết được. Mọi phúc-báo của chúng-sinh, không thể so-sánh được với phúc-báo của ông. Ông nên khởi tâm vui mừng. Đây là lần cuối cùng Ta nhận lời thỉnh của ông thôi!”

VIII. PHẬT ĐỘ ÔNG PHÁT-CA-SA

Khi đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài liền bảo ông A-Nan: “Nay Tôi

thấy đau mình, muốn chóng đến thành Cưu-thi-na!”

Bấy giờ, ông A-Nan cùng các vị Tỳ-Khưu và ông Thuần-Đà, nghe đức Phật nói lời ấy, sinh đau khổ quá, kêu-khóc thướt-mướt, không tự hãm được.

Ngay lúc đó, đức Thế-Tôn từ tòa ngai của mình đứng dậy, cùng các vị Tỳ-Khưu vây-quanh trước sau, đi về thành kia. Ông Thuần-Đà cùng quyến-thuộc cũng đi theo đức Như-Lai.

Nửa đường đức Thế-Tôn ngai nghỉ dưới một gốc cây, Ngài bảo ông A-Nan: “Nay Tôi đau bụng quá!”. Ngài dựa vào ông A-Nan mà đi. Đi cách chỗ kia chưa được mấy, Ngài thổ-huyết lại trở lại dưới gốc cây cũ, Ngài bảo ông A-Nan: “Ông cầm cái áo Tăng-già-

lê[44], gập bốn trái xuống đất, Tôi muốn ngồi nghỉ đây, chứ không thể tiến lên được nữa!” Ông A-Nan vâng lời đức Phật dạy, làm y như thế.

Đức Thế-Tôn ngồi nghỉ dưới gốc cây và bảo ông A-Nan: “Nay Tôi khát nước, ông đến sông Ca-khuát-ta, kín ít nước sạch về cho Tôi uống!”.

Ông A-Nan bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế-Tôn! Vừa nãy có những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe qua sông ấy, sợ nước sông đục, không thể uống được!”

Ông A-Nan bạch như thế đến ba lần. Đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông cứ đi đi!” Ông A-Nan cầm bát đi, đến trên bờ sông, thấy nước sông lằng trong, tâm rất sợ hãi, rón cả mình-mây, chân

lông, ông tự nghĩ rằng: “Vừa rồi ta thấy những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe qua sông này, ý hẳn còn đục, ngờ đâu lại trong, thành ra ta trái-nghịch lời sai khiến của Như-Lai!”.

Nghĩ rồi ông kín nước đem về dâng cúng Phật và nói lên rằng: “Lạ lắm, lạ lắm đức Thế-Tôn! Vừa rồi con thấy những người lái buôn cùng năm trăm cỗ xe, trước sau qua sông, đáng lẽ trong vòng mười ngày, nước còn chưa trong, thế mà nhờ thần-lực của đức Thế-Tôn trong chột-lát đã trong mát rồi!”

Đức Thế-Tôn liền bung nước uống.

Bấy giờ, có một người con của Mãn-la tiên-nhân, tên là Phát-Ca-Sa, là đệ-tử của Ca-lan tiên-nhân. Ông này từ thành Cựu-Thi-Na, đến thành Ba-ba, giữa

đường tình-cờ thấy đức Như-Lai ngồi nghỉ dưới gốc cây. Ông liền chấp tay vãn-tán, rồi ngồi lui về một bên bạch Phật rằng: “Lạy Đức Thế-Tôn! Pháp xuất-gia, sự-nghiệp tọa-thiền là tối đệ-nhất, vì nó điều phục tình-căn, làm cho tâm không rối-loạn, chuyên-tinh tịch-tĩnh, không kinh sợ gì. Sao vậy? – Vì, tôi ghi nhớ: xưa kia tôi theo thầy tôi là Ca-lan tiên-nhân, đi trên đường-trường. Khi đã mỏi-mệt, chúng tôi ngồi nghỉ dưới gốc cây bên đường. Thầy tôi liền tọa-thiền tư-duy. Giữa lúc đó, có những người lái-buôn chở năm mươi cỗ xe qua trước, mà thầy tôi vẫn ngồi im-lặng, thân không lay động. Và, cứ như thế khá lâu, thầy tôi mới từ thiên-định tỉnh dậy. Tôi liền bạch với thầy tôi

rằng: “Bạch thầy lúc thầy ngồi thiền tại đây, có những người lái-buôn cùng năm mươi cỗ xe qua trước, tiếng kêu như sấm, không biết thầy có nghe thấy không?” Thầy tôi đáp: “Ta không thấy gì cả.” Tôi lại hỏi: “Vậy thầy có nghe thấy tiếng xe đi không?” Thầy tôi cũng đáp là không nghe thấy. Tôi bạch: “Bạch thầy, nay trên áo thầy sờ-dĩ có những bụi bám nhờn-nhớp, là do những xe kia đi qua, gây nên thế!” Khi ấy, tôi cho là rất lạ lùng và biết rằng: pháp tọa-thiền thực đáng kính-trọng, vì nó khéo điều-nhiếp được tình-căn, không làm rối loạn!”.

Đức Thế-Tôn đáp ông Phát-ca-sa rằng: “Sự ông vừa nói, không phải lạ-lùng. Sao vậy? Nếu có người không phải

ngủ-say, cũng không phải nhập Diệt-tận-định[45], tâm đoan-chính, ngồi Thiền, lúc đó có năm trăm cỗ xe đi qua, người ấy vẫn không biết, không nghe thấy gì, như thế mới là lạ-lùng chứ!

Lại nữa, ông Phát-ca-sa! Đây cũng chưa phải là rất lạ. Nếu có người chính-niệm tọa-thiền, gặp lúc trời sấm-sét âm âm, sáng lóe, bảy giờ có hai anh em người đi cày, nghe tiếng kinh sợ ấy, tức thời chết tươi và bốn con trâu gần đấy cũng chết ngay, mà người ngồi thiền kia không biết, không nghe thấy gì, thế được gọi là lạ-lùng chăng? Ông Phát-ca-sa thưa: Lạy đức Thế-Tôn! Năm trăm cỗ xe qua trước không biết, không nghe, đã là lạ-lùng, phương chi

lại sấm-sét, sáng lóe, âm âm động đất không biết, không nghe, thời là rất hiếm có!”

Đức Thế-Tôn bảo ông Phát-ca-sa: “Xưa kia ta chính tâm ngồi thiền, suy-nghĩ dưới một gốc cây ở thôn A-xa-ma. Lúc đó, có những người lái-buôn cùng năm trăm cỗ xe qua trước chỗ ta ngồi, ta suy-nghĩ trong thiền-định không biết, không nghe thấy gì. Những người lái-buôn kia, đi qua giờ lâu, Tôi mới xuất-định. Họ vừa đi vừa ngoảnh lại trông. Lúc họ xa trông thấy Tôi đứng dậy, họ ùa chạy lại, thấy cát bụi bám lơ-nhóp trên áo Tôi, họ liền phủ đi và hỏi rằng: “Vừa rồi, chúng tôi cùng năm trăm cỗ xe đi qua đây, đức Thế-Tôn có trông thấy không? Tôi đáp:

“Tôi không trông thấy!” Họ lại hỏi: “Đức Thế-Tôn nhắm mắt nên không trông thấy, nhưng, chắc là nghe thấy tiếng?” Tôi đáp: “Tôi cũng không nghe thấy tiếng!” Họ lại hỏi: “Vậy đức Thế-Tôn ngủ say hay là nhập Diệt-tận-định?” – Tôi đáp: “Tôi không ngủ say cũng không phải nhập Diệt-tận-định, Tôi chỉ ở trong thiền suy-nghĩ, nên không nghe, không thấy gì!” Họ nghe lời nói ấy của Tôi, họ cho là rất lạ-lùng, khen chưa từng có bao giờ và nói rằng: “Sức tọa-thiền được như thế đây!” Tôi liền vì họ, nói cho họ nghe mọi pháp và những người lái-buôn kia, do nơi mọi pháp ấy, đều xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.

Lại nữa, ông Phất-ca-sa! Ngày trước Tôi ngồi một mình trong khoảnh ruộng bên thôn kia, lặng-lẽ suy-nghĩ thiên, chốc-lát tự-nhiên sấm-sét vang-giật, gió mưa chấn-động cả trời đất. Khi ấy có hai anh em người cày ruộng, chợt nghe thấy những tiếng ấy, đều cùng sợ mà chết; lại có bốn con trâu cũng đều chết tươi. bấy giờ, người trong thôn kia, nghe tin có hai người đi cày, nghe tiếng sét sợ chết, hoặc cha mẹ, vợ con, bạn-bè, họ-hàng hợp cùng những người trong thôn đi theo, khóc-lóc lại xem; lúc đó, Tôi mới ở trong thiên-định tỉnh dậy, thấy mặt đất đầy nước bùn, lại có nhiều người, tụ-tập gào khóc. Có một người đi lại, Tôi liền hỏi: “Sao lại có nhiều người tụ-tập lại đây và khóc-lóc

như vậy?” - Người kia đáp: “Vừa rồi đức Thế-Tôn không nghe biết tiếng sấm, sét ư?” Có hai anh em nhà kia trong thôn con, cày ruộng tại nơi đây, hai người đồng thời bị sét đánh chết và cả bốn con trâu cũng đều bị chết, sao mà đức Thế-Tôn không hiểu biết gì? Hay là, vừa rồi đức Như-Lai ngủ say, hoặc là Ngài nhập Diệt-tận-định ư? - Tôi đáp: “Không, vừa rồi Tôi không ngủ say cũng không nhập Diệt-tận-định, Tôi chính-tâm, im-lặng ngồi thiền, nên Tôi không nghe thấy đó?” Người kia nghe đức Phật nói lời ấy, cho là rất lạ-lùng, khen chưa từng có bao giờ. Tâm họ tự-niệm: “Tọa-thiền có năng-lực như thế!” Tôi liền vì họ, nói cho họ nghe mọi pháp. Họ nghe

pháp rồi, do trong những pháp ấy, họ xa-lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.

Bấy giờ, ông Phát-ca-sa, nghe đức Phật nói lời ấy, sinh tâm hiềm có, bạch đức Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Trước đây khi tôi thấy thầy tôi ngồi thiền, năm mươi cỗ xe đi qua, không nghe, không biết gì, tôi cho là lạ-lùng; nay đức Như-Lai nói hai việc trên đây, gấp trăm, nghìn, vạn lần, không gì có thể so-sánh được với năng-lực Thiên-định không thể nghĩ, bàn được của Như-Lai!” Bạch rồi, ông theo Phật thụ Tam-quy-y. Đức Như-Lai lại vì ông nói cho nghe mọi pháp nhiệm-mầu. Ông nghe pháp rồi, tâm-ý khai-ngộ, xa lìa trần-cầu, được pháp-nhãn-tịnh.

Ông ấy liền bảo người đi hầu: “Người đi cầm hai tấm vải tốt màu vàng ròng của ta, đem lại đây cho ta, ta muốn dâng cúng Phật!” Người hầu vâng lời, lấy vải đem đến; ông Phát-ca-sa tay cầm tấm vải, quỳ thẳng trước Phật, bạch rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay con đem tấm vải này dâng lên Thế-Tôn, kính mong Thế-Tôn thương con, nhận cho con!”

Đức Thế-Tôn đáp lời ông Phát-ca-sa: “Tôi nay vì lòng chân-thành của ông, nhận cho ông một tấm, còn một tấm ông nên đem cúng ông A-Nan! Sao vậy? – Vì, ông A-Nan đêm ngày hầu cận bên Tôi, vả lại, ngày nay ông trông nom sự đau yếu của Tôi, nếu có thí chủ, bố-thí cho người đau yếu cùng

người trông nom người đau yếu ấy, thế gọi là đầy đủ sự bố-thí lớn-lao (mãn-túc đại-thí).”

Ông Phát-ca-sa nghe đức Phật nói lời ấy, vui mừng hơn-hở, liền để một tấm vải dưới chân Phật và cầm một tấm tới chỗ ông A-Nan, quỳ thẳng, bạch rằng: “Nay tôi đem tấm vải này cúng Tôn-giả, kính mong Tôn-giả nhận cho!” Ông A-Nan đáp: “Quý hóa thay, quý hóa thay! Nay ông tin lời đấng Thiên-Nhân-Sư, tôi mong ông được an-lạc mãi-mãi, tôi xin nhận vật bố-thí của ông!”

Sau đó ông Phát-ca-sa, trở về nơi đức Phật, đức Phật lại vì ông ấy, nói cho nghe mọi pháp. Ông ấy nghe pháp rồi, chúng được quả A-na-hàm. Khi ấy,

ông Phát-ca-sa lại bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nay con muốn xuất-gia trong Phật-pháp.” Đức Phật liền gọi: “Thiện-lai Tỳ-Khuru!”[46] Lúc đó râu tóc tự sạch trụi, áo ca-sa[47] mặc vào mình, thành Sa-môn, chứng quả A-la-hán.

TOÁT-YẾU

Sau lúc phó-trai tại nhà ông Thuần-Đà, đức Phật thấy người đau, Ngài liền cùng ông A-Nan, các vị Tỳ-Khuru và quyến-thuộc ông Thuần-Đà đi về thành Cưu-thi-na.

Nửa đường Ngài đau bụng, thổ huyết, đành nghỉ lại dưới một gốc cây.

Ngài khát nước. Ông A-Nan đến sông Ca-khuất-ta kín nước về Ngài uống.

Tình-cờ, con của Mãn-la tiên-nhân, tên là Phát-ca-sa, đệ-tử của Ca-lan tiên-nhân, đi từ thành Cưu-thi-na đến thành Ba-ba, gặp Ngài tại đây.

Sau khi vấn-tán đức Phật, ông tán-dương sự-nghiệp tọa-thiền là tối đệ-nhất, điều-phục được tình-căn, tâm không rối-loạn, không kinh sợ. Ông nói lại sự nghiệp ấy của thầy ông: một hôm ngồi thiền dưới gốc cây bên đường, năm mươi cỗ xe đi qua không biết.

Đức Phật bảo: Như thế chưa thấy gì làm lạ. Ngày xưa Tôi ngồi thiền dưới một gốc cây tại thôn A-xa-ma, năm trăm cỗ xe của người lái buôn đi qua, Tôi không nghe thấy gì. Hơn thế nữa, một hôm cũng ở thôn kia, Tôi ngồi thiền, trời mưa, sét đánh chết 2 người

đi cày và 4 con trâu, mà Tôi cũng không nghe thấy chi!

Ông Phát-ca-sa nghe đức Phật nói thế, ông rất thán-phục và xin thụ Tam-quy.

Tiếp đó, ông dâng cúng Phật một tấm vải vàng tốt và đem cúng ông A-Nan một tấm, theo lời Phật chỉ-giáo.

Và, tới đây ông xin xuất-gia theo Phật-pháp, thành bậc Sa-môn, chứng quả A-la-hán.

IX. BÁO ĐIỀM NHẬP-DIỆT

Bấy giờ, từ điện-môn đức Như-Lai, phóng ra nhiều hào-quang: xanh, vàng, đỏ, trắng, pha-lê, sắc hồng. Ông A-Nan liền đĩnh lễ xuống chân Phật, quỳ thẳng, chắp tay, bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Không biết có nhân-

duyên gì, mà đức Thế-Tôn hiện ra thụy-tướng ấy?”

Đức Phật đáp: Ông A-Nan! Ông nên biết có hai thời Tôi phóng ra những hào-quang sáng lớn: Một là, khi Tôi sắp thành Phật ở dưới gốc cây Bồ-Đề, phóng ra hào-quang sáng lớn. Hai là, khi Tôi sắp nhập Niết-Bàn, phóng ra hào-quang sáng lớn.”

Ông A-Nan! Ông có biết không: Tôi thành Vô-Thượng Chính-Đẳng Chính-Giác, thuộc về ban đêm, khi gần sáng, thời khi tôi nhập Niết-Bàn cũng như thế! Ông nay nên biết: gần sáng đêm hôm nay, tôi sẽ nhập Niết-Bàn, khoảng hàng Sa-la song-thụ bên bờ sông Ni-liên, nơi Lục-sĩ sinh-địa[48], thuộc thành Cưu-thi-na!”

Đức Phật nói lời ấy rồi, các vị Tỳ-Khưu, chư Thiên trên hư-không, thương xót, kêu khóc, không tự hãm được.

Khi ấy, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu, đến sông Ca-khuất-ta. Đến đây, đức Thế-Tôn liền xuống sông tắm rửa. Tắm rửa xong. Ngài lại cùng các vị Tỳ-Khưu-Tăng, ngồi bên bờ sông.

Lúc đó, ông Thuần-Đà, tự trách tâm mình rằng: “Đức Thế-Tôn vì thụ bữa cơm cúng-dàng của ta, sinh ra đau bụng, mà sắp nhập Niết-Bàn chẳng?”

Đức Thế-Tôn biết tâm ông Thuần-Đà nghĩ thế, Ngài liền bảo ông A-Nan: “Này ông A-Nan! Ông nay nên biết: hết thấy chúng-sinh, chớ nên trách mình rằng đức Như-Lai vì thụ bữa cơm

cúng-dàng của ta, đến nỗi bị bệnh trong thân, mà nhập Niết-Bàn. Sao vậy? - Đức Như-Lai ra đời, có hai hạng người được phúc hơn hết: Một là, khi Như-Lai sắp thành Vô-Thượng Chính-Đẳng, Chính-Giác, đem món ăn lại dâng cúng. Hai là, khi Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn, cúng-dàng bữa cơm sau cùng. Hai hạng người cúng-dàng ấy, phúc đều bằng nhau không khác và được quả-báo rất nhiều, không kể xiết được. Hai hạng người cúng-dàng như thế, kẻ khó gặp được cũng như hoa Ưu-đàm[49], bao thời, bao thời, mới có một lần!”

Đức Thế-Tôn liền bảo ông Thuần-Đà: “Ông Thuần-Đà! Tâm ý ông hiện nay chính có niệm ấy. Ông không nên tự

sinh tâm hồi-trách như thế. Ông đã được sự quý-báu vô-thượng khó được như thế, ông nên tự sinh ra tâm lòng vui mừng, may-mắn. Ông nên biết: Trong trăm, nghìn, muôn kiếp, khó được nghe thấy danh-hiệu Phật. Tuy có khi được nghe danh-hiệu Phật, nhưng, trông thấy được Phật lại khó. Tuy có khi trông thấy được Phật, nhưng, cúng-dàng được cũng khó. Tuy có khi được cúng-dàng, nhưng, được dự vào hai hạng cúng-dàng như trên, cũng lại rất khó. Ông nay đã được phúc-quả ấy, không bao lâu nữa, ông sẽ được biện-tài, trí-tuệ, sắc-lực và thọ-mệnh.”

Ông Thuần-Đà nghe đức Phật nói lời ấy, tâm sinh vui mừng không tự hãm được, bạch Phật rằng: “Sung-sướng

thay, lay đức Thế-Tôn! Nay con đã được lợi-ích lớn-lao như thế!”

Đức Thế-Tôn liền nói bài kệ:

“Người bố-thí được phúc,
 Người từ-tâm không oán;
 Người làm thiện khỏi ác,
 Người ly-dục[50] không nã.
 Nếu làm hạnh như thế,
 Không lâu, chứng Niết-Bàn.”

Đức Thế-Tôn nói bài kệ ấy rồi, Ngài bảo ông Thuần-Đà: “Ông Thuần-Đà! Nay ông nên đem việc phúc-báo trong sự cúng-dàng lần cuối cùng này, nói khắp cho mọi người nghe, làm cho những người được nghe ấy, được sự an-lạc mãi-mãi!”

TOÁT-YẾU

Sau khi độ ông Phát-ca-sa rồi, từ điện-môn, đức Thế-Tôn phóng ra hào-quang nhiều màu.

Ông A-Nan không hiểu, đĩnh lễ hỏi Phật về nhân-duyên ấy, đức Phật dạy: “Có 2 thời-kỳ Tôi phóng hào-quang lớn là khi Tôi sắp thành-đạo dưới gốc Bồ-Đề và khi Tôi sắp nhập Niết-Bàn. Trước khi Tôi thành-đạo vào lúc gần sáng của ban đêm, thời nay Tôi nhập Niết-Bàn, cũng thế! Gần sáng đêm hôm nay Tôi sẽ nhập Niết-Bàn dưới hàng cây Sa-la song-thụ, bên bờ sông Ni-liên-thiên, nơi Lục-sĩ sinh-địa, thuộc thành Cưu-thi-na!”

Các vị Tỳ-Khưu cùng chư thiên trên hư-không đều buồn-rầu khóc-lóc!

Liên đó, đức Phật cùng chúng Tăng đi đến sông Ca-khuất-ta. Đến đây Ngài xuống sông tắm. Tắm xong, Ngài cùng tất cả ngòi nghỉ bên bờ sông.

Khi ấy ông Thuần-Đà tự-trách là do ông cúng cơm mà đức Phật đau, nhập-diệt. Ngài cảm thấy như thế, Ngài liền bảo ông A-Nan: “Chúng-sinh đừng ai có tâm-niệm rằng vì mình cúng cơm, mà Phật nhập-diệt. Vì, đức Như-Lai ra đời, ai cúng bữa cơm khi sắp thành-đạo và bữa cơm khi sắp nhập-diệt, được phúc-báo hơn cả.”

“Ông Thuần-Đà! Ông không nên nghĩ như vậy! Trong trăm, nghìn, muôn kiếp dễ nghe được hiệu Phật, dễ thấy được Phật, dễ cúng-dàng được Phật và dễ được dự vào hai buổi cúng-dàng như

trên? Ông nên tự vui mừng, đã được phúc-báo ấy, không bao lâu ông sẽ được biện-tài, trí-tuệ, sắc-lực và thọ-mệnh. Nhân nào, quả ấy!”

“Vậy ông nên phổ-cáo cho mọi người biết về sự phúc-báo trong việc cúng-dàng lần cuối cùng này, để cho người nghe cùng được sự an-lạc.”

X. PHẬT TỚI SA-LA SONG-THỤ

Bấy giờ, đức Thế-Tôn bảo ông A-Nan: “Nay Tôi muốn tiến đến khoảng hàng cây Sa-la[51] song-thụ bên bờ sông Ni-liên, nơi Lục-sĩ sinh-địa, thuộc thành Cưu-thi-na!”

Ông A-Nan bạch Phật: “Dạ, lạy Thế-Tôn! Con xin vâng.”

Khi ấy đức Như-Lai cùng các vị Tỳ-Khưu, vây quanh trước sau, tiến lên

đường. Qua sông Ni-liên, đức Thế-Tôn cùng đại-chúng dừng lại ngoài rừng Sa-la, nơi Lục-sĩ sinh-địa thuộc thành Cưu-thi-na. Ngài bảo ông A-Nan: “Ông đi vào trong rừng Sa-la, thấy nơi nào có hàng cây song-thụ, riêng một chỗ ấy, ông quét rửa ở dưới cho sạch-sẽ và ông đặt cái giường kết bằng dây tại đấy, nhưng để đầu quay về hướng Bắc. Nay thân-thể Tôi mỗi-một quá rồi!”

Ông A-Nan cùng các vị Tỳ-Khưu nghe đức Phật nói lời ấy, càng thêm thương-xót, buồn-bã! Ông A-Nan sa lệ, vâng lời Phật dạy mà đi. Đến chỗ hàng cây kia, ông quét rửa, xếp đặt, các việc đều như pháp, rồi ông trở về bạch Phật

rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Con quét rửa, xếp đặt, xong cả rồi!”

Bấy giờ, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu vào trong rừng Sa-la, đến dưới chỗ hàng cây song-thụ. Đến nơi, Ngài đặt hông bên hữu xuống giường, nằm xếp chân như kiêu con Sư-tử nằm ngủ. Ngài đoan-tâm, chính-niệm.

Khi ấy, hàng cây Sa-la song-thụ bỗng rụng nở hoa, rơi xuống mình đức Như-Lai. Đức Thế-Tôn liền hỏi ông A-Nan: “Ông có thấy cây Sa-la kia nở hoa trái mùa đẽ cúng-dàng Tôi không?” Ông A-Nan đáp: “Dạ, lạy đức Thế-Tôn! Con có trông thấy.” Lúc đó, chư Thiên, long-thần tám bộ, trong hư-không, rải những hoa quý như các hoa: Man-đà-la, Ma-ha man-đà-la, Man-thù-sa, Ma-

ha man-thù-sa[52] lên trên đức Phật; lại rắc những hương Ngưu-đầu Chiên-đàn; tấu những kỹ-nhạc cõi Thiên và ca-hát, tán-thán.

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Ông có thấy chư Thiên tám bộ trong hư-không cúng-dàng Tôi không?” – Ông A-Nan bạch Phật: “Dạ, lay đức Thế-Tôn! Con có trông thấy”.

Đức Thế-Tôn lại bảo ông A-Nan: “Muốn cúng-dàng Tôi, để báo ân, bất-tất phải dùng đến hương-hoa, kỹ-nhạc cõi trời. Giữ giới cấm thanh-tịnh, đọc tụng kinh sách, suy-nghĩ nghĩa thâm-diệu của các pháp, thế là cúng-dàng Tôi vậy!”

Khi ấy, có một vị Tỳ-Khưu tên là Ưu-ba-ma-na (Upamàna) ngày xưa khi đức

Như-Lai chưa đem ông A-Nan vào làm thị-giả, vị Tỳ-Khưu ấy thường giữ việc trông nom đức Như-Lai, nay ông Ưu-ba-ma-na, thấy đức Như-Lai nằm dưới hàng cây Sa-la song-thụ, tâm ông rất khỗ-não, ông liền đứng trước đức Phật, đê được chiêm-nguỡng đức Phật lần cuối cùng. Đức Thế-Tôn liền bảo ông rằng: “Ông Ưu-ba-ma-na! Hôm nay ông không nên đứng lấp trước mặt Tôi!” Ông Ưu-ba-ma-na liền đứng lui về một bên.

Ông A-Nan thấy thế, tâm ông sinh niệm ngờ-vực: “Lạ thực, ta hầu Phật từ xưa tới nay trải đã bao năm, ta chưa từng thấy đức Phật nói ra lời như thế, sao ngày nay đức Như-Lai lại không cho đứng trước mặt; hay là, nay đức

Phật Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn, không cho ai đứng trước mặt buồn-rầu, khóc-lóc? Nghĩ rồi, ông A-Nan đĩnh lễ xuống chân Phật, quỳ thẳng, chấp tay bạch: “Lạy đức Thế-Tôn! Từ trước tới nay con hầu Phật, thường thường con đứng trước mặt đức Thế-Tôn con chưa từng nghe thấy đức Thế-Tôn bảo con đứng lùi ra, nay sao đức Thế-Tôn lại bảo ông Ưu-ba-ma-na đứng tránh trước mặt?”

Đức Phật dạy: “Ông A-Nan! Đồ-chúng của chư Thiên, long-thần tám bộ[53], nghe Tôi nằm nghiêng về hông bên hữu dưới hàng cây Sa-la song-thụ này, họ tranh nhau lại trông ngắm Tôi, từ trong hư-không, dòn đến mặt đất, bốn mặt đầy ních đến ba mươi hai do-tuần;

Tỳ-Khưu Ưu-ba-ma-na này, đứng lấ trước mặt Tôi, Thiên, long tám bộ sinh tâm không vui, nghĩ rằng nay đức Như-Lai ở dưới hàng cây Sa-la song-thụ này, không bao lâu nữa sẽ nhập Niết-Bàn, chúng ta muốn được trông ngắm đức Như-Lai lần cuối cùng này, mà vị Tỳ-Khưu kia lại đứng che lấ trước mặt Phật!” Vì nhân-duyên ấy nên tôi bảo ông ấy đứng lùi về một bên.”

Ông A-nan có biết không, nay trong tám bộ đây, hoặc có người thương khóc, không tự hãm được, hoặc có người áo-nã, mê-muộn sắp ngất đi, hoặc có người buồn quá, lấy tay nhổ tóc trên đầu mình, hoặc có người xé đứt những đồ trang-nghiêm nơi thân mình và đều đồng thanh xưng rằng:

“Nay đức Như-Lai nhập Niết-Bàn, sao nhanh quá vậy thay! Đức Như-Lai ra đời, khó gặp gỡ được, như hoa Ưu-đàm bao thời, bao thời mới hiện, mà nay không bao lâu nữa, Ngài sẽ nhập Niết-Bàn. Than ôi, khổ lắm! Con mắt của thế-gian mất rồi từ nay trở đi, chúng ta lấy ai là nơi quy-y, dẫn-đạo!” Chư Thiên nơi Ly-dục[54] cũng đều than rằng: “Than ôi, thế-gian rất là vô-thường, không có cái gì có thụ-sinh, mà không hướng về nơi tiêu-diệt!” Cũng chư Thiên kia, họ cùng bảo nhau: “Ngày trước đức Thế-Tôn hoặc nơi thành Tỳ-da-ly (Vaisàli) hoặc ở nơi thành Vương-xá (Ràjagrha) hoặc ở trong nước Xá-vệ (Sràvasti) cùng ở những nơi khác, khi an-cư xong, các vị

Tỳ-Khưu, từ bốn phương về vân-tần đức Thế-Tôn, nhân thế, chúng ta ở bên đường được trông thấy các vị Tỳ-Khưu, lễ-bái, cúng-dàng, nghe thụ kinh-pháp, được nhiều phúc-lợi; nay đức Thế-Tôn nhập Niết-Bàn rồi, các vị Tỳ-Khưu, khi an-cư xong, không về vân-tần như trước nữa, các vị du-hành khắp nơi, chúng ta không được ở bên đường trông thấy các vị Tỳ-Khưu, lễ bái, cúng-dàng, nghe thụ kinh-pháp, từ nay chúng ta vĩnh-viễn mất những phúc-lợi ấy.”

Bấy giờ, đức Như-Lai bảo ông A-Nan: “Nếu Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, sau khi Tôi diệt-độ, phát tâm, đến bốn nơi của Tôi khi trước, sẽ được nhiều công-đức không

thể tính kể được và nơi sẽ sinh của họ sau này, thường ở trong cõi Nhân, Thiên, hưởng thụ quả-báo an-vui, không khi nào cùng-tận. Bốn nơi ấy là những nơi nào? - Một là, nơi khi Như-Lai làm bồ-Tát, giáng-sinh tại vườn Lâm-tỳ-ni (Lumbini) nước Ca-tỳ-la-vê (Kapilavastu). Hai là, nơi Tôi bắt đầu ngồi dưới gốc cây Bồ-Đề (Bodhidruma) thành Vô-thượng chính-đẳng chính-giác, tại nước Ma-kiệt-đề (Magadha). Ba là, nơi chuyên-pháp-luân (thuyết-pháp) đầu tiên, trong vườn Lộc-giã (Mrgadava) (nơi các Tiên-nhân ở trước), nước Ba-la-nại (Vàranasi Benares). Bốn là, nơi Tôi nhập Niết-Bàn, khoảng hai hàng cây, trong rừng Sa-la (Sàlavana) bên bờ

sông Ni-liên (Nairanjana) nơi Lục-sĩ sinh-địa, nước Cưu-thi-na (Kusinagara). Đó là bốn nơi! Nếu Tỳ-Khưu, Tỳ-Khưu-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, cùng những đồ-chúng ngoại-đạo khác, phát-tâm muốn đến những nơi kia lễ-bái, đều thu được công-đức, như đã nói ở trên.”

Ông A-Nan nghe đức Phật nói lời ấy, ông liền bạch Phật: “Lạy đức Thế-Tôn! Từ nay, con xin tuyên-cáo khắp cả cho bốn bộ-chúng biết bốn nơi ấy và nếu ai đi đến lễ-bái, được công-đức như thế.”

Khi ấy, ông A-Nan lại bạch Phật rằng: “Lạy đức Thế-Tôn! Nếu các người Ưu-bà-di có thiện-tâm, giữ trọn giới-hạnh, ham nghe kinh-pháp, muốn yết-kiến vị Tỳ-Khưu, từ nay chúng con nên xử thế

nào? Đức Phật dạy: “Từ nay các ông đừng nên tương kiến!” Ông A-Nan bạch: “Nếu bỗng nhiên hội-ngộ, nên xử ra sao?” Đức Phật dạy: “Đừng cùng nói chuyện”. Ông A-nan bạch: “Nếu không nói chuyện, nhưng, họ có lời thỉnh cầu, muốn nghe kinh-pháp nên làm thế nào?” Đức Phật dạy: “Nên vì họ, thuyết-pháp cho họ nghe, nhưng, các ông nên giữ-gìn khéo-léo thân, khẩu, ý của các ông!” Ông A-Nan bạch: “Lạy đức Thế-Tôn! Từ nay chúng con xin vâng làm như thế.”

TOÁT-YẾU

Bấy giờ, đức Thế-Tôn cùng các vị Tỳ-Khưu tiến lên đường.

Đến rừng Sa-la, Ngài cùng đại-chúng dừng lại, sai ông A-Nan vào sửa-sang khoảng hàng cây Sa-la song-thụ.

Sửa-sang xong, Ngài cùng tất cả vào trong rừng. Đến nơi kia Ngài đặt hông bên hữu xuống cái giường kết bằng dây, đầu hướng Bắc, chân xếp lên như kiêu con sư-tử nằm ngủ. Ngài đoan-tâm, chính-niệm.

Khi ấy, Thiên long tám bộ trên hư-không rải hoa, rắc hương, tấu Thiên-nhạc, ca hát tán-thán.

Đức Phật bảo ông A-Nan: “Muốn cúng-dàng Tôi để báo-ân, bất tất phải dùng đến hương-hoa, kỹ-nhạc cõi trời. Giữ giới cấm thanh-tịnh, đọc tụng kinh sách, suy-nghĩ nghĩa thâm-diệu của các pháp, thế là cúng-dàng Tôi vậy!”

Đồ-chúng của Thiên, long tám bộ đến quá đông. Ai ai cũng than-tiếc, khóc-lóc và cũng muốn được trông thấy chân-dung đức Phật lần cuối cùng. Cảm thấy thế, ngài bảo ông Ưu-ba-ma-na Tỳ-Khưu đang đứng trước mặt Ngài, đứng lui về một bên.

Muốn chúng-sinh đời sau hưởng-thụ quả-báo an-vui, đức Phật còn dạy nên đi chiêm-lễ, cúng-dàng 4 nơi di-tích của Ngài là nơi giáng-sinh, nơi thành-đạo, nơi chuyển-pháp-luân và nơi nhập Niết-Bàn.

Tới đây ông A-Nan hỏi Phật về xử-sự đối với hàng Ưu-bà-di thiện-tâm, giữ giới, ham muốn nghe kinh, nên như thế nào? Đức Phật dạy: “Nên thuyết-pháp

cho họ nghe, nhưng, mình cũng nên giữ gìn 3 nghiệp cho khéo-léo!”
 Ông A-Nan xin vâng làm như thế.

Phần tiếp theo

[1] Kinh Đại Bát-Niết-Bàn là cuốn kinh số 7 trong Đại-Tạng kinh.

Đại Bát-Niết-Bàn (Mahàparinirvāna):
 Tàu dịch là “Đại nhập-diệt tức”; “Đại-diệt-độ”; “Đại-viên-tịch nhập”... “Đại” là lời khen đức “tịch-diệt”, có tính cách

sâu, rộng lớn; “Diệt” là diệt phiền-não nơi thân tâm; “Tức” là yên nghỉ, “Độ” là vượt qua bề sinh-tử, “Viên-tịch” là công-đức viên-mãn, tịch-diệt phiền-não và “Nhập” có nghĩa là hướng về nơi tịch-diệt. Tóm lại, là đức-trí đầy đủ, phiền-não dứt sạch, chúng nhập nơi yên-tịch sáng-suốt cao-sâu, rộng lớn.

Kinh này gồm 3 quyển: Thượng, trung, hạ. Nhận thấy ý văn trong kinh liên-tục, nên khi dịch chúng tôi không theo sự phân chia thành từng quyển như cũ. Song, đến cuối mỗi quyển cũ chúng tôi có ghi nơi chú-thích để lưu lại dấu xưa. Và, muốn cho dễ nhận-định và ký-ức, chúng tôi ghi thêm đề-mục và toát-yếu từng đoạn trong kinh. (lời dịch-giả)

[2] Gia-phu: Ngồi xếp bằng, hai bàn chân để chéo lên hai vế .

[3] Bốn phép thần-túc: Còn gọi là 4 như-ý-túc: Dục, niệm, tinh-tiến và tuệ.

[4] Ma-Vương: Vị chúa trong loài Thiên-ma, tức vị Thiên-chúa ở cõi Tha-hóa-tự-tại-thiên, là cõi trời thứ 6 thuộc Dục-giới. Ma-vương kia thường đốc-xuất quyền-thuộc hướng về nhân-gian, làm chướng-ngại đạo Phật, nên còn gọi là Ba-tuần. Nhưng, Đại-thừa là cho đó là vị Bồ-tát, dùng đại phương-tiện, hiện Ma-vương để giáo-hóa chúng-sinh.

[5] Thiện-Thệ: (Tu-già-đà: Sugata): Một hiệu trong 10 hiệu của Phật và có nghĩa là đi tốt. Ý nói: Dùng nhất thiết trí làm

xe, đi trên đường bát-chính, rảo tới nơi Niết-Bàn, nên gọi là “Thiện-Thệ”.

[6] Hữu: Tức là hữu-lậu-nghiệp. Ý nói: Chúng-sinh bị sinh-tử luân hồi, đều do những hành-vi tạo-tác bất thiện huân-tập và hấp-dẫn. Đức Thế-Tôn cũng có thân ở trong sinh-tử nhưng, vì độ sinh mà có và Ngài đã đạt tới chỗ vô-lậu rồi. Nay tâm thân giả-tạm do tứ-đại hợp-thành này Ngài muốn trả về bản-hữu của nó.

[7] Đây là phần chọn lựa những ý yếu-ước trong chính-văn, hầu giúp quý Phật-tử dễ hiểu, dễ nhớ, khi xem xong từng đoạn. Vì là, những toát-yếu, nếu Phật-tử nào muốn tụng, xin tụng chính-

văn, mà dành phần này lại. (Lời dịch-giả).

[8] Nhất-thiết chủng-trí: Tức là Phật-trí, có nghĩa là trí-tuệ biết suốt hết thấy pháp.

[9] Chuyển-pháp-luân (quay bánh xe pháp): Giáo pháp của Phật gọi là “pháp-luân” (bánh xe pháp); truyền nói giáo-pháp ấy gọi là “chuyển” (quay). Nghĩa là giáo-pháp của Phật, quay vòng khắp chúng-sinh-giới, phá tan những phiền-não. Và, “chuyển” đây còn có nghĩa là chuyển pháp tự tâm mình, chuyển-di sang tâm người khác.

[10] Sát-ly (Ksatriya): Giai-cấp vua chúa. Gia-cấp thứ 2 trong 4 giai-cấp của Ấn-Độ.

[11] Bà-la-môn (Brāhmaṇa): Giai-cấp tu-sĩ của Ấn-Độ-giáo, Tàu dịch là “Tịnh-hạnh”; “Tịnh-chí”, “Tĩnh-chí”. Giai-cấp thứ nhất, trong 4 giai-cấp của Ấn-Độ.

[12] Trưởng-giả: Tiếng Phạm gọi là “Nghị-lực-hạ-bát-đề” (Drha-pati). Tiếng gọi thông thường chỉ cho người nhiều của, đủ đức. Bộ Pháp-Hoa Huyền-Tán quyển 10 nói: “Trưởng-giả là người tâm bình, tính thẳng, nói thực, làm chăm, tuổi nhiều, của lắm”.

[13] Cư-sĩ: Tiếng Phạm gọi là Ca-la-việt (Kulapati): Là người có của ở nhà không ra làm việc đời; là người ẩn-dật ở nơi nhà mình không ra làm quan; hay là người tại-gia có chí-hướng về đạo

Phật. Bộ Pháp-Hoa Huyền-Tán quyển 10 nói: “Giữ đạo tự điềm-đạm, chứa đức ít muốn, gọi là Cư-sĩ”.

[14] Sa-môn (Srmana): Xưa dịch là “Tức-tâm, Tĩnh-chí, Bần-đạo v.v...” Nay dịch là “Công-lao, Cần-tức”, đều có nghĩa là vị tu-hành siêng-năng tu-tập, ngăn dứt phiền-não nơi tâm, làm yên-lặng, trong sạch thân-chí, có công cần-cù khó-nhọc tiến tu về đạo giải-thoát (đạo Phật).

[15] Đây là nói về y-cứ của 8 thiên-định phát-khởi ra thắng-tri (hiểu biết cao), thắng-kiến (thấy biết cao) để xả tâm tham-ái. Đại-ý: 1/ Đạo nơi mình chưa tăng-trưởng, thời cần chú trọng quán-tưởng ngay nơi thân tâm mình đã, chưa

cần quán-tưởng đến hình-sắc ngoài thân tâm mình, hoặc chỉ ít thôi. Tỷ-dụ: mình đang quán-tưởng thân mình là bất-tịnh chưa được thấu đáo, bền chắc, thời chưa nên (hay chỉ ít thôi) đi xem thầy người chết khác, có khi sinh sợ-hãi, thoái-chuyển. 2/ Đạo tiệm tiến, quán nơi mình và quán nơi người nhiều vẫn không hại. 3/ Đạo đạt dần tới chỗ thẳng-diệu, dù quán hình sắc ngoài, nhưng trong tâm không vương chút hình-sắc nào. 4/ Tiến thêm hơn nữa, dù quán hình-sắc ngoài nhiều, trong tâm vẫn không vương chút hình-sắc nào. Bốn quán trên đây là lẫn lộn cả tịnh và bất-tịnh. Còn tứ quán thứ 5, 6, 7, 8 là đạo đã đạt tới chỗ thẳng-diệu thực sự,

không còn có sự chấp-trước vào pháp-tướng nữa, mà chuyển-biến tự-tại.

[16] Đây là 8 pháp quán giúp người tu Thiền-định được giải-thoát. Đại-ý: 1/ Trong tâm mình có lòng tham-tướng về sắc, muốn trừ nó cho được giải-thoát, nên đi xem cái thầy thối-tha, chương phênh của người chết v.v... 2/ Muốn thêm kiên-cố trong sự giải-thoát, dù trong tâm không khởi tướng tham sắc, vẫn cứ đi xem thầy chết kia v.v... 3/ Quán sắc-tướng thanh-tịnh, trừ-tướng bất tịnh. Ba quán trên, quán thứ nhất y vào Sơ-thiền-định phát-khởi và duyên vào sắc của Dục-giới; quán thứ 2 y vào Nhị-thiền-định phát-khởi và duyên vào sắc của Sơ-thiền; quán thứ 3 y vào Tứ-thiền phát-khởi và duyên vào sắc của

Dục-giới, nhưng cho là sắc bất-tịnh. Còn quán giải-thoát thứ 4, 5, 6, 7 y vào 4 định của cõi Vô-sắc phát-khởi và ở ngay chỗ đặc định quán về khô, không, vô-thường, vô-ngã, sinh tâm chán ghét mà bỏ, nên gọi là giải-thoát. Quán giải-thoát thứ 8, diệt thụ, tưởng, y vào Tứ-thiền bỏ hết thấy sở-duyên trong Phi-phi-tưởng nên gọi là giải-thoát.

[17] Ba mươi bảy đạo phẩm: a/ 4 niệm xứ: Quán thân bất-tịnh, quán thụ là khô, quán tâm vô-thường và quán pháp vô-ngã. b/ 4 chính cần: Ác đã sinh làm cho chóng dứt. Ác chưa sinh làm cho không sinh được. Thiện chưa sinh làm cho chóng sinh. Thiện đã sinh làm cho tăng-trưởng. c/ 4 thân-túc: Dục, niệm, tiến và tuệ. d/ Năm căn: Tín, tinh-tiến,

niệm, định và tuệ. e/ Năm lục: Cũng là 5 căn, nhưng, đây đứng về mặt đối-trị mà nói. f/ 7 giác-chi: trạch-pháp, tinh-tiến, hỷ, khinh-an, niệm, định và hành-xả. g/ 8 thánh đạo: chính-kiến, chính-tư-duy, chính-ngũ, chính-nghiệp, chính-mệnh, chính-tinh-tiến, chính-niệm và chính-định.

[18] Ly-xa (Licchavi): Tên dòng vua, quan của thành Tỳ-da-ly.

[19] Pháp hữu-vi: Sự-vật do nhân-duyên tạo-tác.

[20] Giác-ý: Ý-niệm giác-ngộ. Tức 7 giác-chi.

[21] Ngũ-dục: Năm thứ ham-muốn: của-cải, sắc-đẹp, danh-vọng, ăn-uống, ngủ-

ngửi. Hoặc là sắc, thanh, hương, vị, xúc: 5 trần-cảnh.

[22] Cửu bộ pháp (tức Cửu bộ kinh):
 Chín bộ kinh: Trong kinh có chia làm 12 phận-giáo: 1/ Tu-đa-la (Sutra: khế-kinh: văn xuôi). 2/ Kỳ-dạ (Geya: trùng-tụng: bài kệ nói lại nghĩa của văn xuôi). Già-đà (Gàthà: phúng-tụng: bài kệ 4 câu đứng riêng, không liên với văn xuôi). 3/ Ni-đà-na (Nidàna: nhân-duyên). Y-đế-mục-đa (Itivrtaka: Bản-sự: nói những việc đời trước). 6/ Xà-đa-già (Jàtaka: Bản-sinh: Phật tự nói nhân-duyên mình đời trước). 7/ A-phù-đạt-ma (Adbhuta-dharma: Vị-tăng-hữu: làm những sự hiếm có). 8/ A-ba-đà-na (Avadàna: thí-dụ). 9/ Ưu-bà-đề-xá (Upadesa: luận-nghĩa). 10/ Ưu-đà-na

(Udana: tự thuyết: tự Phật nói, không đợi ai hỏi). 11/ Tỳ-phật-lược (Vaipulya: phương-quảng: Văn nói về chân-lý phương-chính, quảng-đại; tức là đại-thừa-giáo). 12/ Hòa-già-la (Vyākaraṇa: thụ-ký). Tuy vậy, có chỗ Tiểu-thừa bỏ: Phương-quảng, thụ-ký và tự-thuyết đi còn 9 phần, gọi là cửu-bộ pháp (hay cửu-bộ kinh). Và Đại-thừa có chỗ bỏ: Nhân-duyên, thí-dụ và luận-nghĩa, thành cũng còn 9 bộ-phận.

[23] Chín lỗ thường chảy: Trong thân người có chín lỗ hồng thường chảy những thứ như-nhóp là: 2 mắt, 2 lỗ mũi, mồm và nơi đại, tiểu-tiện.

[24] Anh-lạc: Tiếng Phạm gọi là Chỉ-do-la (Keyūra): Chuỗi dây-chuyên làm bằng ngọc để đeo vào cổ, vào mình.

[25] Trần-câu: Chỉ cho phiền-não, nhưng nay thường chỉ vào 88 kết-sử của kiến-hoặc.

[26] Pháp-nhãn-tịnh: Nghĩa là thấy chân-lý bằng cách rõ ràng.

[27] Lậu-nghiệp hết, ý khai-giải: Bậc tam-thừa dùng Thánh-trí dứt hết phiền-não do ý căn tạo ra, ý được mở tỏ và giải-thoát.

[28] A-la-hán: (Arahat): Quả vị thứ tư trong 4 quả của bậc Thanh-văn, A-la-hán, Tàu dịch là “Bất-sinh” (cũng có chỗ gọi là Vô-Sinh). Nghĩa là quả-báo trong một đời diệt hết, được vào Niết-

bản mãi mãi, không phải tái-sinh trong 3 cõi nữa.

[29] Xem phần chính-văn.

[30] Năm âm: Sắc, thụ, tướng, hành, thức.

[31] Pháp hữu-lậu: “Lậu” (dò-ri) tên riêng chỉ cho phiền-não. Sự-vật có hàm-tàng sự phiền-não gọi là hữu-lậu. Hết thấy sự thể trong thế-gian đều là pháp hữu-lậu.

[32] Tăng-già-lam (Samghàrama): Tàu dịch là “chúng-viên” cái vườn hay rừng chúng-tăng ở. Nay ta thường cho là chùa.

[33] A-lan-nhã (Àrinya): Tên gọi chung cho các tự-viện, là nơi ở của các vị Tỳ-

Khuru. Nhưng, đúng ra A-lan-nhã là nơi xa-vắng, yên-tĩnh, nên Tàu dịch là “Nhàn-tịch”.

[34] Đến đây là hết quyển thượng.

[35] Tam quy-y: Quy-y Tam-Bảo: Phật, Pháp, Tăng.

[36] Ngũ giới: Năm điều răn: Không sát-sinh, không trộm-cắp, không tà-dâm, không nói dối và không uống rượu.

[37] Châm-chước: Hầu-hạ, bưng-rót, gắp bỏ, san-sẻ thức ăn uống.

[38] Ba phép minh: 1/ Túc-mệnh. 2/ Thiên-nhãn. 3/ Lậu-tận.

[39] 6 phép thần-thông: Thần-thông có nghĩa là phép có tác-dụng tự-tại vô-ngại. 6 phép ấy là: 1/ Thần-túc-thông

(Rddhividhi-jnàna). 2/ Thiên-nhãn-thông (Divya-caksus). 3/ Thiên-nhĩ-thông (Divya-sirotra). 4/ Tha-tâm-thông (Paracit-jnàna). 5/ Túc-mệnh-thông (Pur-vanivàsànusmrti-jnàna). 6/ Lậu-tận-thông (As-ravaksaya-jnàna).

[40] A-na-hàm (Angàmi): Quả vị thứ 3 trong 4 quả của Thanh-Văn. A-na-hàm Tàu dịch là Bất-lai hay Bất-hoàn. Nghĩa là vị tu-hành đã diệt hết hoặc-nghiệp cõi Dục không phải trở lại lần nữa. Và, sau chỉ phải sinh lên cõi Sắc, cõi Vô-Sắc mà thôi.

[41] Tư-đà-hàm (Sakrdàgàmi): Quả vị thứ 2 trong 4 quả của Thanh-Văn. Tư-đà-hàm Tàu dịch là “Nhất-lai”. Nghĩa là vị tu-hành, đoạn cửu-địa tư-hoặc,

được 6 phẩm trước, còn 3 phẩm sau, còn phải thụ-sinh trong Dục-giới một lần nữa, nên gọi là “Nhất-lai”.

[42] Tu-đà-hoàn (Srotapanna-phala): Quả thứ 1 trong 4 quả của bậc Thanh-Văn. Tàu dịch là “Nhập-lưu, Nghịch-lưu, Dự-lưu”. đều có nghĩa là vị tu-hành đã đi ngược dòng sinh-tử, phàm-phu mà đã được dự vào dòng Thánh-Đạo.

[43] Tứ-quả: Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Tứ-hướng: Tu-đà-hoàn-hướng, Tu-đà-hàm-hướng, A-na-hàm-hướng, A-la-hán-hướng. Hướng có nghĩa là hướng tới, đi đến.

[44] Tăng-già-lê (Samghàti): Tên một áo trong 3 áo của Tỳ-Khưu. Áo này Tàu

dịch là “trùng” hay là “hợp”. Vì áo này xé vải ra thành những miếng vụn xong rồi may đụp lên. Áo này có nhiều thứ hoặc 9 điều, 11 điều, 13 điều, mỗi điều hai mảnh dài, 1 mảnh ngắn; 15, 17, 19 điều, mỗi điều 3 mảnh dài, 1 mảnh ngắn; 21, 23, 25 điều, mỗi điều 4 mảnh dài, 1 mảnh ngắn.

[45] Diệt-tận-định (Nirodhasamàpatti): Cũng gọi là Diệt-thụ-tướng-định là 1 trong 2 Vô-tâm-định. Là môn thiên-định diệt hết tâm, tâm-sở, 6 thức, làm cho không phát-khởi được nữa.

[46] Thiện-lai Tỳ-Khưu: Đây nói, khi thời Phật tại thế, người thiện-tâm xuất-gia, do nguyện-lực của đương-nhân cùng sức uy-thần của Phật, Phật hướng

vào người xuất-gia, gọi: “Thiện-lai Tỳ-Khuru” (vị Tỳ-Khuru do thiện-nguyện tới), tức thì thành vị Sa-môn; hình tướng như tóc trụ, áo nhuộm, tự đầy đủ..., thân thành cụ-túc-giới.

[47] Ca-sa (Kasàya): Có nghĩa là áo nhuộm hoại-sắc, không để chính-sắc. Là áo của các vị Tỳ-Khuru. Áo này có 3 bậc: 5 điều, 7 điều và 9 điều...

[48] Lục-sĩ sinh-địa: Nơi sinh-trưởng của phái Lục-sĩ, thành Cưu-thi-na.

[49] Hoa Ưu-đàm: Ưu-đàm gọi đủ là Ưu-đàm-ba-la (Udumbara), Tàu dịch là “Linh-thụy” (điềm linh-thiên); “Thụy-ứng” (Ứng vào điềm tốt). Theo Pháp-Hoa văn-cú nói thời hoa này

3.000 năm một lần hiện, khi hoa ấy hiện ra thời có kim-luân-vương ra đời.

[50] Ly-dục: Xa-lìa dục-vọng.

[51] Sa-la (Sàla): Tàu dịch là “Kiên-cổ” (vững-bền). Theo Tuệ-uyên-sư nói thì đức Phật nhập-diệt ở khoảng giữa 4 cây Sa-la, nhưng mỗi cây này một gốc mọc thành 2 cây, nên gọi là Sa-la song-thụ.

[52] Trên đây là các hoa cõi Trời: Hoa Man-đà-la (Mandarava) Tàu dịch là hoa “Tiểu-bạch-đoàn”; hoa Ma-ha man-đà-la (Maha Mandarava) Tàu dịch là hoa “Đại-bạch-đoàn”; hoa Mạn-thù-sa (Manjùsaka) Tàu dịch là hoa “Tiểu-xích-đoàn”; hoa Ma-ha mạn-thù-sa

(Maha Manjùsaka) Tàu dịch là hoa “Đại-xích-đoàn”.

[53] Tám bộ: 1/ Thiên (Deva): Các vị trên các cõi Trời. 2/ Long (Nàga): Loài Rồng. 3/ Dạ-soa (Yaksa): Hoặc gọi là Dược-soa là loài quỷ-thần bay trên hư-không. 4/ Càn-thát-bà (Gadharva): Tàu dịch là “Hương-âm”, nhạc-thần nơi Đê-thích-thiên. 5/ A-tu-la (Asura): Có chỗ gọi là A-tu-luân, Tàu dịch là “Phi-thiên”, cũng thuộc loài quỷ-thần. 6/ Ca-lâu-la (Garuda): Chim Kim-sí. 7/ khân-na-la (Kimnara): Ca-thần: Nhạc-thần nơi Đê-thích-thiên. 8/ Ma-hầu-la-già (Mahoga): Đại-mãng-thần.

[54] Chư Thiên nơi Ly-dục: Chỉ cho các vị trời nơi Sắc-giới trở lên.

---o0o---